CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 156 /TB-ĐSHL	*Bắc Giang, ngày 10 tháng 4 năm 2018*

THÔNG BÁO MỜI HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng trân trọng thông báo và kính mời Quý cổ đông, đại diện cổ đông tới dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 (ĐHĐCĐ) được tổ chức cụ thể như sau:

1. Thời gian: Khai mạc vào hồi 7 giờ 30 phút, ngày 26/4/2018.

2. Địa điểm: Hội trường Công ty, số 6 đường Nguyễn Khắc Nhu, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

3. Nội dung họp ĐHĐCĐ:

-Thảo luận các nội dung thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

- Biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm, bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát.

4. Tài liệu trình Đại hội: Chi tiết nội dung, chương trình, tài liệu Đại hội để thông qua tại ĐHĐCĐ được đăng tải trên website Công ty: http://www.halang.com.vn

5. Điều kiện dự họp ĐHĐCĐ:

- Tất cả các cổ đông của Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 10/4/2018.

- Những cổ đông không thể dự họp ĐHĐCĐ có thể ủy quyền bằng văn bản cho HĐQT Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng hoặc cho người khác tham dự theo mẫu quy định của Công ty. Người được ủy quyền không được ủy quyền cho người thứ ba.

6. Đăng ký dự họp ĐHĐCĐ:

- Quý cổ đông vui lòng xác nhận tham dự/ủy quyền bằng thư, điện thoại, fax trước 16 giờ 30 ngày 23/4/2018 theo địa chỉ: Tổ quản lý cổ đông - Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng - Số 6 đường Nguyễn Khắc Nhu, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang; Điện thoại: 0204.3854.746; Fax: 0204.3852.983; Ông Nguyễn Văn Hoàng - Tổ trưởng tổ quản lý cổ đông: 0983.362.244.

- Khi đến tham dự Đại hội, đề nghị Quý cổ đông mang theo Giấy CMND/Hộ chiếu (bản chính); Trường hợp được ủy quyền dự họp, đề nghị Đại diện cổ đông

mang theo Giấy CMND/Hộ chiếu (bản chính) và Giấy ủy quyền theo mẫu của Công ty (bản chính).

7. Thông báo này thay cho Thư mời họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng.

8. Mọi chi phí ăn ở, đi lại và chi phí khác trong quá trình dự ĐHĐCĐ do cổ đông, đại diện cổ đông tự trang trải.

HĐQT Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng trân trọng thông báo và rất mong các Quý cổ đông, đại diện cổ đông dự họp đầy đủ để ĐHĐCĐ thành công tốt đẹp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Các TV HĐQT, Ban GĐ;
- Ban Kiểm soát;
- Người đại diện công bố thông tin;
- Công bố thông tin trên Website;
- Lưu VT, TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 2400155322 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG
TỈNH BẮC GIANG

Nguyễn Văn Bá

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẠI HỘI

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2018
Công ty cổ phần Đường sắt Hà Lạng

- Tôi tên là: .....
- Số CMND/Hộ chiếu: ..... ; Cấp ngày: .....; tại: .....
- Địa chỉ liên hệ:.....
- Số cổ phần sở hữu : ..... **cổ phần**; Số cổ phần được ủy quyền: .....**cổ phần.**
- Tổng số cổ phần sở hữu và ủy quyền để đăng ký tham dự đại hội: ..... **cổ phần.**
- Tổng số cổ phần bằng chữ: (.....)
- Kèm theo ..... giấy ủy quyền (bản chính).

Đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng, tổ chức vào ngày ...../...../2018.

tại: Số 6, đường Nguyễn Khắc Nhu, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Trân trọng cảm ơn!

....., ngày.....tháng.....năm 2018
Người đăng ký
(Ký, ghi rõ họ tên)

.....

Lưu ý: Quý cổ đông trực tiếp tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 chỉ cần gửi bản đăng ký này về Ban tổ chức Đại hội qua tổ quản lý cổ đông; Trường hợp được ủy quyền để nghị gửi thêm các giấy ủy quyền tham dự Đại hội cổ đông (bản chính).

Giấy đăng ký và ủy quyền đề nghị gửi về Công ty **trước 16h30 ngày 23/4/2018.**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

GIẤY ỦY QUYỀN
Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng

1. Tôi là:..... Mã số cổ đông (nếu có): .....
CMND/DKKD số (1):..... cấp ngày:..... tại:.....
Địa chỉ thường trú (2):.....
Số cổ phần sở hữu:.....cổ phần
2. Ủy quyền cho:
Người được ủy quyền:.....Mã số cổ đông (nếu có):.....
CMND số (1):.....cấp ngày:.....tại:.....
Số cổ phần ủy quyền:.....cổ phần

Thay tôi dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng tổ chức ngày .....tháng ..... năm 2018 tại số 6, đường Nguyễn Khắc Nhu, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Ông (bà) ..... được thực hiện quyền biểu quyết với số cổ phần được tôi ủy quyền nêu trên.

Giấy ủy quyền này chỉ có giá trị tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 nói trên.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và của Điều lệ Công ty.

.....ngày ... tháng ..... năm 2018

Người được ủy quyền	**Người ủy quyền**
(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký và ghi rõ họ tên)
.....	.....

Ghi chú:
(1) Nếu cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì ghi số giấy chứng nhận ĐKKD/giấy phép thành lập
(2) Nếu cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì ghi địa chỉ trụ sở chính
(3) Nếu cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì đại diện theo pháp luật của đơn vị ký tên đóng dấu
- Người được ủy quyền khi đi tham dự Đại hội cần mang theo CMND, tài liệu dự họp và giấy ủy quyền bản chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG

TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Bắc Giang, tháng 4 năm 2018

	DANH MỤC TÀI LIỆU GỬI CỔ ĐÔNG TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018

Số TT	Nội dung	Số tờ trình/Báo cáo	Ghi chú
1	Chương trình làm việc Đại hội		
2	Quy chế tổ chức Đại hội		
3	Quy chế bầu bổ sung thành viên BKS		
4	Báo cáo Kết quả Sản xuất kinh doanh năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018	157/ĐSHL-KH	
5	Báo cáo của Hội đồng quản trị	158/BC-ĐSHL	
6	Báo cáo của Ban Kiểm soát	03 /BC-BKS	
7	Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán; phân phối lợi nhuận năm 2017, dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2018 và lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018	159/TTr-ĐSHL	
8	Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016 - 2020	160/TTr-ĐSHL	
9	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017		
10	Dự thảo Nghị quyết		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG

Thời gian: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 00 phút ngày 26 tháng 4 năm 2018
Địa điểm: Hội trường Công ty, số 6 đường Nguyễn khắc Nhu, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

TT	Nội dung, Chương trình Đại hội	Người phụ trách
1	Đón tiếp đại biểu và cổ đông	BTC
2	Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội	Ông Hoàng
3	Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, cổ đông và giới thiệu Đoàn Chủ tịch, Thư ký Đại hội.	Ông Hoàng
4	Biểu quyết thông qua Chương trình và Quy chế tổ chức Đại hội	Ông Bá
5	Trình bày báo cáo tình hình thực hiện SXKD năm 2017, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018	Ô. Hiệp
6	Trình bày tờ trình về kiện toàn nhân sự thành viên Ban Kiểm soát	Ô. Bá
7	Giới thiệu thành viên Ban kiểm phiếu - Thông qua Quy chế bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát - Bỏ phiếu miễn nhiệm thành viên BKS đối với bà Lê Thị Minh Phương	Ông Trọng Ô. Thuyết Ô. Thuyết
8	Trình bày báo cáo tóm tắt của Hội đồng quản trị	Ô. Bá
9	Trình bày báo cáo tóm tắt của Ban kiểm soát	Ông Hào
10	Báo cáo kết quả kiểm toán và phân phối lợi nhuận năm 2017	Ông Tâm
11	Công bố kết quả bỏ phiếu miễn nhiệm thành viên BKS	Ô. Thuyết
12	Bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2016 - 2020	Ô. Thuyết
13	Phát biểu của Đại biểu cấp trên (nếu có)	TCT
14	Đáp từ (nếu có)	Ô. Bá
15	Công bố kết quả bầu bổ sung thành viên BKS	Ông thuyết
16	Thông qua dự thảo Nghị quyết Đại hội	Ông Quỳnh
17	Biểu quyết các chỉ tiêu năm 2018	Ông Bá
18	Thông qua Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018	Ô. Quỳnh
19	Bế mạc Đại hội	Ông Trọng

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 10 tháng 4 năm 2018

QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng được thông qua ngày 18/12/2015,

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức và điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 (gọi tắt là Đại hội) của Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng.

2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông, đại diện cổ đông và các bên tham dự Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội và biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội.

3. Cổ đông, đại diện cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Mục tiêu

1. Đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch.

2. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức Đại hội được thực hiện thành công và tuân thủ các quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II
ĐIỀU KIỆN THAM DỰ ĐẠI HỘI, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG, CÁC BÊN THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 3. Điều kiện tham dự Đại hội Cổ đông cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền

tham dự Đại hội có quyền trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự họp theo quy định của Quy chế này và quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền của Cổ đông khi tham dự Đại hội

1. Cổ đông có quyền thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng, Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau đây:

a. Trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông cá nhân có quyền ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự họp. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức không được ủy quyền tiếp cho người khác dự họp Đại hội và không được tham gia ứng cử với tư cách cá nhân mình. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại Điều 15, Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Được Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng thông báo công khai nội dung, chương trình Đại hội.

4. Tại Đại hội, mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự họp Đại hội được nhận Thẻ biểu quyết và Phiếu bầu cử (trong đó ghi tên cổ đông, mã số cổ động, địa chỉ, tổng số cổ phần sở hữu/ đại diện và tổng số quyền biểu quyết) sau khi đăng ký tham dự họp Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

5. Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại Đại hội. Trường hợp bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, giá trị biểu quyết của Phiếu bầu cử được tính bằng tổng số phiếu bầu cử, tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu (hoặc đại diện) có quyền biểu quyết nhân với số thành viên được bầu và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên

6. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền đến dự Đại hội sau khi cuộc họp khai mạc, có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho những cổ đông này đăng ký. Hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng. Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm cộng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đến muộn vào tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội để tính tỷ lệ thông qua các nội dung biểu quyết ở phần sau.

Điều 5. Nghĩa vụ của Cổ đông khi tham dự Đại hội

1. Cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền đến dự Đại hội mang theo giấy tờ sau:

a. Thư mời;

b. Giấy chứng minh thư nhân dân, Thẻ căn cước hoặc Hộ chiếu;

c. Giấy uỷ quyền theo mẫu gửi kèm thư mời họp Đại hội (Trường hợp được uỷ quyền tham dự Đại hội). Trường hợp Cổ đông là cá nhân thì văn bản uỷ quyền phải được ký bởi Cổ đông đó và chữ ký người được ủy quyền. Trường hợp Cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì văn bản uỷ quyền phải được đóng dấu và ký bởi đại diện theo pháp luật của pháp nhân tổ chức đó;

d. Cổ đông chỉ được chính thức tham dự và biểu quyết tại Đại hội sau khi đã thực hiện các thủ tục đăng ký và chứng minh tư cách cổ đông hoặc/và đại diện ủy quyền của mình là hợp lệ với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông.

2. Trường hợp cổ đông đã ủy quyền cho người khác mà không có thông báo bằng văn bản về việc hủy ủy quyền thì cổ đông đó khi tham dự Đại hội không được nhận thẻ biểu quyết tại Đại hội nếu người được ủy quyền của họ đã làm thủ tục nhận thẻ biểu quyết.

3. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho bên thứ ba.

4. Trong thời gian diễn ra Đại hội, cổ đông và đại diện của cổ đông phải nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tuân thủ theo sự hướng dẫn, điều khiển của Chủ tọa, tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

5. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế này, nếu vi phạm thì tùy theo mức độ cụ thể Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo điểm b, khoản 7, Điều 142, Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13.

6. Trường hợp vì lý do cá nhân mà cổ đông phải rời khỏi cuộc họp trước khi Đại hội biểu quyết, thì cổ đông có trách nhiệm liên hệ với Ban Kiểm phiếu để thông báo ý kiến của mình bằng văn bản về những vấn đề biểu quyết tại Đại hội. Trường hợp cổ đông rời cuộc họp trước khi Đại hội biểu quyết mà không thông báo với Ban Kiểm phiếu thì coi như cổ đông đồng ý với tất cả những vấn đề được biểu quyết tại Đại hội.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

1. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội (sau đây gọi tắt là Ban Kiểm tra tư cách cổ đông) có 03 (ba) thành viên do Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng chỉ định có chức năng và nhiệm vụ sau:

a. Kiểm tra tư cách dự họp của các cổ đông và đại diện theo ủy quyền của cổ đông dựa trên các tài liệu mà họ xuất trình: Kiểm tra Chứng minh thư nhân dân, Thẻ căn cước, Hộ chiếu, Thư mời họp, Giấy ủy quyền và các tài liệu kèm theo (nếu có);

b. Phát cho cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của các cổ đông Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử và các tài liệu của Đại hội;

c. Tổng hợp kết quả kiểm tra và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách các cổ đông tham dự Đại hội.

2. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có quyền lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban;

3. Trường hợp người đến dự họp không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối quyền dự họp của người đó, từ chối cấp thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và phát tài liệu của Đại hội.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu có 03 thành viên, gồm 01 Trưởng ban và 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa Đại hội.

2. Ban Kiểm phiếu có quyền lập một bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban. Bộ phận giúp việc cho Ban kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 gồm 03 thành viên.

3. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:

a. Hướng dẫn cổ đông tham dự Đại hội cách sử dụng thẻ biểu quyết; thực hiện việc đếm số phiếu biểu quyết theo từng loại: tán thành, không tán thành, không có ý kiến ngay sau khi Đại hội biểu quyết;

b. Ghi nhận kết quả biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại Đại hội;

c. Tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả biểu quyết các vấn đề của Đại hội;

d. Thực hiện các nhiệm vụ được giao khác.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ban Chủ tọa

1. Ban Chủ tọa Đại hội gồm 01 Chủ tọa Đại hội và một số thành viên giúp việc được Đại hội biểu quyết thông qua, có chức năng điều khiển Đại hội.

2. Ban Chủ tọa có số thành viên không quá 03 người.

3. Chủ tọa Đại hội có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Chủ trì, điều khiển Đại hội; Chủ tọa tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ, có trật tự, và đảm bảo Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;

b. Quyết định của Chủ tọa Đại hội về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất;

c. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình của Đại hội;

d. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

e. Trả lời hoặc chỉ định thành viên Ban Chủ tọa trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;

f. Bất cứ lúc nào Chủ tọa có quyền trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác tại một địa điểm khác (phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 năm 2014 và Điều lệ Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng) mà không cần lấy ý kiến của Đại hội nếu nhận thấy rằng:

- Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp;

- Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

g. Chủ tọa Đại hội có quyền:

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;

- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp, trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến hành cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi Đại hội.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội

1. Ban Thư ký Đại hội gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên do Ban Chủ tọa cử.

2. Ban Thư ký Đại hội thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa như: ghi chép Biên bản về diễn biến cuộc họp Đại hội, phản ánh trung thực, chính xác, đầy đủ nội dung Đại hội trong Biên bản và Nghị quyết Đại hội; trình bày trước Đại hội về Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

CHƯƠNG III
TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 10. Điều kiện và cách thức tiến hành Đại hội

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội. Ban kiểm tra

tư cách cổ đông thông báo số lượng cổ đông tham dự, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà các cổ đông đại diện và tỷ lệ tham dự để Đại hội có thể tiến hành theo quy định.

2. Cuộc họp Đại hội dự kiến diễn ra trong 1/2 ngày hoặc 01 ngày theo lịch cụ thể do Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng thông báo.

3. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. Việc biểu quyết thông qua từng nội dung trong Đại hội được thực hiện theo thể lệ biểu quyết và thông qua các quyết định tại Đại hội tại Điều 13 Quy chế này.

Điều 11. Chương trình, nội dung làm việc của Đại hội

1. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ thời gian đối với các nội dung trong chương trình họp.

2. Trường hợp có thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp cho cổ đông, các thay đổi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 12. Thảo luận và chất vấn tại Đại hội

1. Căn cứ vào số lượng cổ đông tham dự và thời lượng cho phép của Đại hội, Chủ tọa Đại hội có thể lựa chọn phương pháp điều khiển cuộc họp hợp lý nhất. Cổ đông tham dự Đại hội phát biểu ý kiến thảo luận, chất vấn bằng cách giơ tay đề nghị phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội hoặc điền vào Phiếu câu hỏi gửi cho Ban Chủ tọa. Trong cùng một thời điểm chỉ có một cổ đông được quyền phát biểu. Trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến cùng lúc thì Chủ tọa sẽ mời tuần tự từng cổ đông trình bày ý kiến của mình.

2. Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với chương trình Đại hội đã thông qua. Nội dung ý kiến đề xuất của cổ đông không được vi phạm pháp luật, liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn của doanh nghiệp. Chủ tọa Đại hội có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

3. Đại hội thống nhất tổng thời lượng phát biểu của một cổ đông tối đa không quá 5 phút. Nếu quá thời lượng này, Chủ tọa Đại hội có thể yêu cầu cổ đông lập các câu hỏi, kiến nghị thành văn bản, Ban Thư ký Đại hội phải ghi nhận và Hội đồng quản trị trong phạm vi thẩm quyền của mình sẽ trả lời bằng văn bản cho cổ đông trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được kiến nghị của cổ đông.

Điều 13. Thể lệ biểu quyết và thông qua các quyết định tại Đại hội

1. Nguyên tắc biểu quyết: Cổ đông có thể biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Biểu quyết trực tiếp tại Đại hội bằng việc giơ Thẻ biểu quyết;

b. Biểu quyết thông qua việc cử người ủy quyền tới dự họp, khi đó người được ủy quyền tham dự Đại hội và biểu quyết như hình thức cổ đông trực tiếp dự họp.

2. Các vấn đề được thông qua tại Đại hội phải được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền có mặt tại Đại hội chấp thuận;

3. Việc biểu quyết bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Quy chế Bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng nhiệm kỳ 2015 -2020 được Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất năm 2015 thông qua.

4. Hình thức biểu quyết:

a. Cổ đông (hoặc người đại diện theo ủy quyền) biểu quyết từng nội dung trong chương trình Đại hội. Khi biểu quyết một vấn đề được Đại hội đưa ra, các cổ đông biểu quyết bằng cách giơ thẻ biểu quyết lên cao; Việc xác định kết quả biểu quyết được tiến hành bằng cách đếm số phiếu biểu quyết tán thành, số phiếu biểu quyết không tán thành và số phiếu biểu quyết không có ý kiến;

b. Đối với từng vấn đề cần biểu quyết, Ban Chủ tọa sẽ hỏi ý kiến của Cổ đông theo trình tự: Tán thành; Không tán thành; Không có ý kiến. Trường hợp Cổ đông không giơ Thẻ biểu quyết thì coi như tán thành. Với từng vấn đề xin ý kiến biểu quyết, các cổ đông chỉ được giơ thẻ biểu quyết một lần.

Điều 14. Biên bản họp Đại hội, dự thảo nghị quyết Đại hội

1. Biên bản Đại hội: Tất cả các nội dung tại Đại hội phải được Ban Thư ký ghi vào biên bản. Biên bản phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

2. Căn cứ biên bản Đại hội, kết quả kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử, Thư ký Đại hội sẽ tổng hợp số liệu và đưa vào dự thảo nghị quyết Đại hội. Dự thảo Nghị quyết được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

3. Biên bản, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp được lưu giữ tại trụ sở Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng theo quy định.

CHƯƠNG IV
ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 15. Trường hợp tổ chức Đại hội không thành

1. Trường hợp cuộc họp Đại hội lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 10 của Quy chế này thì việc triệu tập họp lần thứ hai phải được thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội lần thứ hai được tiến hành khi có số thành viên tham dự là các cổ

đông và đại diện theo ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng.

2. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì được triệu tập lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 có thể phê chuẩn.

CHƯƠNG V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này gồm 5 chương, 16 điều, được thông qua các thành viên Hội đồng quản trị và có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chủ tọa chịu trách nhiệm điều hành Đại hội theo Quy chế này.

3. Các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền và những người tham dự họp Đại hội có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 2400[illegible] C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG TỈNH BẮC GIANG

Nguyễn Văn Bá

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 10 tháng 4 năm 2018

QUY CHẾ
BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN BKS NHIỆM KỲ 2016 - 2020 TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng được thông qua ngày 18 tháng 12 năm 2018,

Điều 1. Mục tiêu

1. Đảm bảo tuân thủ luật pháp và các thông lệ tại Việt Nam;

2. Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;

3. Đảm bảo tính tập trung, ổn định của phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và Đối tượng áp dụng

1. Việc bầu cử bổ sung thành viên BKS (BKS) của Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng (CPĐS) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên được thực hiện theo quy định tại Quy chế này.

2. Quy chế này áp dụng đối với tất cả cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty CPĐS Hà Lạng, hoặc những người được ủy quyền tham dự hợp lệ và các trường hợp khác được quy định trong Điều lệ của Công ty.

Điều 3. Số lượng và tiêu chuẩn Thành viên BKS

1. Số lượng bầu bổ sung 01 (một) Thành viên BKS theo quy định tại Quy chế này.

2. Nhiệm kỳ của Thành viên BKS là 05 (năm) theo Điều lệ công ty và có thể được bầu lại với số lần không hạn chế.

3. Tiêu chuẩn thành viên BKS: Thành viên được đề cử hoặc tự ứng cử vào BKS phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a. Có năng lực hành vi nhân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám

đốc, Phó Giám đốc, Kế Toán trưởng Công ty và các quy định pháp luật có liên quan;

c. Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc là người lao động của Công ty;

d. Phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên theo quy định của pháp luật về kế toán, kiểm toán;

đ. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 4. Quyền đề cử, ứng cử bổ sung Thành viên BKS

Trước cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng cử viên bổ sung thành viên BKS. Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội quyết định và theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm:

Điều 5. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu vào BKS:

1. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu bổ sung vào BKS bao gồm:

a. Đơn ứng cử hoặc Đơn đề cử ứng viên tham gia BKS (theo mẫu kèm theo);

b. Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai có dán ảnh (theo mẫu kèm theo);

c. Bản sao hợp lệ CMTND/Hộ chiếu;

d. Bản sao hợp lệ Hộ khẩu thường trú (hoặc giấy đăng ký tạm trú dài hạn);

e. Bản sao hợp lệ các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn;

f. Giấy ủy quyền hoặc Biên bản họp nhóm (nếu ứng cử viên được nhóm ủy quyền ứng cử).

2. Hồ sơ đề cử, ứng cử phải được gửi tới Công ty CPĐS Hà Lạng trước 16h30' ngày 23/4/2018 theo địa chỉ của Ban Tổ chức Đại hội số 6, đường Nguyễn Khắc Nhu, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. (Nếu hồ sơ là bản fax thì phải gửi lại bản gốc khi đăng ký tham dự trước cuộc họp).

Điều 6. Lựa chọn các ứng cử viên:

Dựa trên các đơn đề cử, ứng cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng cử viên, Công ty CPĐS Hà Lạng sẽ lập danh sách ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu bổ sung vào Thành viên BKS.

Điều 7. Hình thức và phương thức bầu cử:

1. Việc bầu cử bổ sung thành viên BKS sẽ được thực hiện theo hình thức trực tiếp, bỏ phiếu kín tại Đại hội theo phương thức bầu dồn phiếu.

2. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu được bầu cho ứng cử viên đã được Đại hội thông qua.

3. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số quyền biểu quyết của mình cho ứng cử viên hoặc không bầu dồn cho ứng cử viên đó.

4. Tổng số phiếu bầu cho của ứng cử viên không vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó.

Điều 7. Tổ chức và giám sát bầu cử:

1. Ban kiểm phiếu:

a. Việc tổ chức và giám sát bầu cử được Ban kiểm phiếu thay mặt cho Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo đúng các quy định tại Quy chế này;

b. Ban Kiểm phiếu có 03 thành viên, gồm 01 trưởng ban và 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa. Thành viên Ban kiểm phiếu không được là người có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào thành viên BKS; Ban kiểm phiếu lập một bộ phận giúp việc có 03 thành viên để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

2. Ban kiểm phiếu phải bảo đảm tính chính trực, khách quan, bảo mật thông tin về việc kiểm phiếu và bầu cử.

3. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

a. Kiểm tra và công bố danh sách các ứng viên;

b. Phổ biến quy chế bầu cử và hướng dẫn cách thức bầu cử cho cổ đông;

c. Phân phát và thu phiếu bầu cử;

d. Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông, đại diện cổ đông;

e. Thực hiện kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội đồng cổ đông;

f. Bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu và toàn bộ phiếu bầu cử cho Đoàn Chủ tịch Đại hội;

g. Cùng Chủ tọa Đại hội xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo về người ứng cử cũng như về kết quả bầu cử (nếu có) và báo cáo để Đại hội đồng cổ đông quyết định;

h. Và các nhiệm vụ liên quan khác;

i. Ban Kiểm phiếu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về việc tuân thủ Quy chế này và về tính chính xác của kết quả kiểm phiếu.

Điều 8. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu:

1. Phiếu bầu:

a. Phiếu bầu do Công ty CPĐS Hà Lạng phát hành, được in thống nhất, có đóng dấu treo của Công ty, có thông tin của các cổ đông; tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện, tổng số quyền biểu quyết;

b. Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát đồng thời 01 phiếu bầu bổ sung thành viên BKS theo mã số tham dự (sở hữu và được ủy quyền);

c. Cổ đông hoặc đại diện cổ đông khi được phát phiếu bầu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót, cổ đông phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác;

2. Cách ghi phiếu bầu:

a. Khi đồng ý bầu cho ứng cử viên, cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông viết số phiếu muốn bầu vào cột Số phiếu bầu tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó.

b. Nếu không bầu cho ứng cử viên, cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông điền số 0 hoặc để trống tại cột Số phiếu bầu .

c. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp có thể dồn phiếu bầu cho một hoặc không bầu cho ứng cử viên.

3. Phiếu hợp lệ khi có đủ các điều kiện sau đây:

a. Phiếu bầu chọ ứng viên có tên trong danh sách và trong phạm vi số lượng bầu bổ sung thành viên cần bầu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Tổng số lượng phiếu bầu nhỏ hơn hoặc bằng tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó;

c. Không thuộc trường hợp theo quy định của Điều lệ công ty.

4. Phiếu bầu không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Phiếu không do Công ty CPĐS Hà Lạng phát hành hoặc không có đóng dấu treo của Công ty;

b. Phiếu gạch xoá, sửa chữa, bổ sung các nội dung không theo quy định (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu mới) ;

c. Phiếu có ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;

d. Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó (gồm quyền sở hữu và được ủy quyền);

e. Phiếu không ký tên và ghi rõ họ tên của cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông; hoặc

f. Phiếu không ghi số lượng phiếu bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào.

Điều 9. Bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;

2. Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;

3. Các cổ đông chỉ bỏ phiếu vào hòm phiếu đã được niêm phong do Ban kiểm phiếu giám sát;

4. Việc kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu tiến hành tại phòng bỏ phiếu ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc; Trước khi mở thùng phiếu, Ban kiểm phiếu phải thống kê, lập biên bản và niêm phong số phiếu không sử dụng. Ban kiểm phiếu không được gạch xóa, sửa chữa trên phiếu bầu.

Điều 10. Nguyên tắc xác định kết quả bầu cử

Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 11. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 12. Quyền chất vấn các cổ đông hoặc đại diện cổ đông có quyền chất vấn, khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu. Chủ toạ Đại hội, Ban kiểm phiếu có trách nhiệm giải trình và làm rõ các chất vấn của cổ đông và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông.

Điều 13. Quy chế Quy chế này có hiệu lực sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua và chỉ áp dụng cho việc bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2016 - 2020./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG

Nguyễn Văn Bá

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 158 /ĐSHL-KH	*Bắc Giang, ngày 10 tháng 4 năm 2018*

BÁO CÁO TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2018

Kính gửi: Đại hội cổ đông Công ty Cổ phần đường sắt Hà Lạng

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty Cổ phần đường sắt Hà Lạng, tôi xin báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 và xin ý kiến của Đại hội về phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, cụ thể như sau:

A. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017:

I. Những thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến chỉ tiêu SXKD:

1. Thuận lợi:

- Công ty luôn được sự quan tâm giúp đỡ, tạo điều kiện của Bộ GTVT và lãnh đạo Tổng công ty ĐSVN, ngoài ra còn nhận được sự phối hợp, tạo điều kiện của chính quyền địa phương nơi có đường sắt đi qua; Toàn thể CBCNV trong Công ty phấn khởi tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng bộ, của ban lãnh đạo Công ty, nội bộ ổn định, đoàn kết, thống nhất, qui chế dân chủ được phát huy, đời sống văn hoá tinh thần của CBCNV luôn được quan tâm.

- Bộ máy tổ chức tiếp tục được tinh giảm, sắp xếp lại, đảm bảo tinh gọn, hoạt động linh hoạt, hiệu quả; sử dụng cán bộ, lao động đúng chuyên môn, đúng năng lực, đúng sức để đảm bảo phát huy hết tiềm năng, khả năng của mỗi cán bộ công nhân viên được giao trọng trách.

Nhờ đó Công ty đã chủ động điều hành kế hoạch sản xuất đảm bảo an toàn chạy tàu, đảm bảo được hoạt động sản xuất kinh doanh và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2. Khó khăn:

- Khó khăn chung của nền kinh tế, việc cân đối nguồn vốn Ngân sách để đầu tư phát triển đường sắt còn hạn chế đã ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hiện đơn giá duy tu giao cho Công ty chỉ bằng khoảng 40% giá tính đủ và bằng khoảng 60% so với đơn giá duy tu các tuyến khác.

Khối lượng quản lý kết cấu hạ tầng lớn, yếu tố kỹ thuật đặc thù, phức tạp (nhiều loại khổ đường, cầu cao, độ dốc lớn, đường cong bán kính nhỏ, hầm, cầu chung...). Trạng thái cầu đường trong phạm vi quản lý bị xuống cấp, kinh phí đầu tư cho SCTX chưa đáp ứng khắc phục được mức độ xuống cấp của cầu đường.

Một số bộ phận cán bộ, nhân viên chậm đổi mới phong cách làm việc, thực hiện quy chế hoạt động của Công ty cổ phần còn lúng túng nên tính trách nhiệm cá nhân chưa cao, thậm chí có trường hợp thụ động chờ việc, vẫn còn mang tặng tư tưởng "bao cấp" nên không muốn đi làm xa nhà, vất vả để tăng thêm thu nhập, làm việc không có hiệu quả, ảnh hưởng đến quá trình tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty.

Lực lượng nhân sự có trình độ, tay nghề cao còn thiếu, kinh nghiệm thi công các công trình lớn còn hạn chế; Hồ sơ kinh nghiệm, năng lực của Công ty còn yếu, chưa có thương hiệu trong khi phải cạnh tranh với nhiều doanh nghiệp giàu kinh nghiệm có cùng lĩnh vực hoạt động nên công tác tìm kiếm việc làm luôn là một thách thức lớn...

II. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017:

1. Giá trị sản lượng, doanh thu, chi phí, lợi nhuận:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Danh mục chỉ tiêu	Thực hiện năm 2016	KH năm 2017 theo NQ ĐHCĐ	Kết quả thực hiện năm 2017		
				Giá trị thực hiện	Tỷ lệ % so với 2016	Tỷ lệ % so với KH
1	Sản Lượng	143.166	143.193	142.150	99%	99%
2	Doanh Thu	130.151	130.175	129.227	99%	99%
	Trong đó:					
	- Sản phẩm công ích	107.779	104.675	106.198	98%	101%
	- Sản xuất kinh doanh khác	22.372	25.500	23.029	103%	91%
3	Chi Phí	127.705	127.725	126.675	99%	99%
4	Lợi Nhuận	2.446	2.450	2.552	104%	104%
5	Tỷ suất lợi nhuận/Vốn điều lệ	14,82%	14,85%	15,47%	104%	104%
6	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	7,00%	7,12%	7,12%	102%	100%

2. Tiền lương và thu nhập:

Thu nhập bình quân của CBCNV năm 2017 đạt 6.406.000 đồng/người/tháng, tăng 220.000 đồng/người/tháng, bằng 104% so với năm 2016 là 6.186.000 triệu đồng/người/tháng.

Trong đó:

Đơn vị tính: 1000 đồng/người/tháng

TT	Chức danh	Thu nhập bình quân		Tỷ lệ % 2017/2016
		Năm 2016	Năm 2017	
1	Lao động gián tiếp	11.247	11.682	104%
2	Lao động bổ trợ sản xuất	8.323	8.953	108%
3	Lao động trực tiếp sản xuất	5.725	5.971	104%
	Bình quân	6.186	6.406	104%

3. Kết quả thực hiện công tác đầu tư:

Trong năm 2017, bằng nguồn vốn khấu hao TSCĐ, Công ty đã thực hiện công tác đầu tư theo đúng quy định hiện hành, nội dung đầu tư đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả, phục vụ tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và đúng danh mục của Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017, cụ thể:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên công trình, danh mục đầu tư	Tổng mức đầu tư	Giá trị thực hiện	Ghi chú
1	Mua máy Photo Coppy	165	137,5	Đã hoàn thành
2	Mua máy phát hàn công suất 30KVA - Nhật	330	319	Đã hoàn thành
3	Nâng cấp, cải tạo nhà điều hành (khối 2)	715	709,5	Đã hoàn thành

4. Kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017:

Công ty đã ký hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính với Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam là đơn vị đủ điều kiện năng lực kinh nghiệm theo quy định của Bộ tài chính và đã được Hội đồng quản trị Công ty thống nhất lựa chọn, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam chấp thuận tại văn bản số 3625/ĐS-TCKT ngày 30/11/2017.

Kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 đã được hoàn tất mà không có nội dung ngoại trừ hay điều chỉnh các nghiệp vụ sai sót và đã được chấp nhận toàn phần từ phía đơn vị kiểm toán.

III. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2017:

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Đánh giá
1	Doanh thu	Tương tương năm 2016	Đạt 99,3%	Đạt
	Trong đó:			
	- Danh thu sản phẩm công ích	*Đạt 100%*	*Đạt 101,4%*	*Vượt*
	- Doanh thu sản phẩm khác	*Tăng >14%*	*Tăng 3,3%*	*Không đạt*
2	Thu nhập BQ người lao động	Tương đương năm 2016	Tăng 4%	Vượt
3	Lợi nhuận	2 tỷ 450 tr. đ	2 tỷ 552 tr. đ	Vượt 4%
4	Tỷ suất lợi nhuận / Vốn điều lệ	Đạt 14,85%	Đạt 15,47%	Vượt 4%
5	Tỷ lệ cổ tức/ Vốn điều lệ	Đạt 7,12%	Đạt 7,12%	Đạt
6	Tốc độ chạy tàu và công lệnh tải trọng	Giữ vững	Giữ vững	Đạt
7	Tỷ lệ xóc lắc trên tuyến HN-ĐĐ	Giảm so với năm 2016	Số liệu không phù hợp để so sánh	
8	Sự cố, tai nạn đặc biệt nghiêm trọng di chủ quan gây ra	Không	Không	Đạt
9	Tai nạn ít nghiêm trọng do chủ quan gây ra	Không quá 02 vụ	03 vụ	Không đạt

Năm 2017 sau khi chuyển đổi mô hình Công ty TNHH sang mô hình Công ty Cổ phần đi vào ổn định, ngoài việc đảm bảo sản xuất chính SCTX KCHT ĐS, Công ty đẩy mạnh công tác sản xuất khác để tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho CBCNV trong Công ty. Duy trì, giữ vững mối quan hệ với các khách hàng truyền thống như: Nhiệt Điện Phả Lại, Xm Hoàng Thạch, Mỏ Than Mạo Khê, Tràng Bạch... Tăng cường tìm kiếm việc làm và xây dựng mối quan hệ để mở thêm các thị trường mới, tìm kiếm những công trình phù hợp với khả năng. Cụ thể, năm 2017 Công ty đã ký được nhiều hợp đồng thi công xây dựng các lĩnh vực như: đường sắt, dân dụng công nghiệp và cơ khí... Các công trình đều được Chủ đầu tư đánh giá cao về tiến độ và chất lượng thi công. Qua đó Công ty đã đạt được hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội cổ đông giao.

Về việc thực hiện Nghị quyết, Quyết định và các định hướng chỉ đạo của Tổng công ty ĐSVN: Công ty thực hiện đầy đủ và nghiêm túc tất cả các nội dung chỉ đạo của Tổng công ty ĐSVN có liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác chính trị, tư tưởng của CBCNV.

Về tài chính: Công ty luôn cố gắng đảm bảo được nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, thanh toán kịp thời và đầy đủ chế độ cho người lao động và hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước. Thực hiện kê khai và quyết toán thuế với cơ quan thuế theo đúng quy định của Luật quản lý thuế. Thanh toán các khoản nợ kịp thời theo cam kết, không có nợ xấu.

Về chế độ chính sách đối với người lao động: Người lao động của Công ty được trả tiền lương, tiền công kịp thời, đúng, đủ theo quy định; thực hiện đúng chế độ chính sách cho người lao động như thăm hỏi, trợ cấp xã hội, thăm quan, học tập nghỉ mát, thực hiện đúng qui chế dân chủ, giải quyết kịp thời các kiến nghị, đơn thư khiếu nại theo thẩm quyền và các chế độ khác đúng qui định;

Về công tác đầu tư và quản lý tài sản: Tài sản của Công ty được đầu tư đúng mục đích sử dụng, thực hiện đúng với các quy định của Nhà nước hiện hành, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công bố thông tin: Tiến hành thực hiện đầy đủ các thủ tục, hồ sơ theo yêu cầu của UBCK Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội quy định khi tham gia thị trường chứng khoán: Đã được UBCK Nhà nước chấp thuận là Công ty đại chúng; Đã đăng ký lưu ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam; Đã đăng ký giao dịch chứng khoán trên sàn giao dịch Upcom - Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Thường xuyên tạo đủ việc làm cho người lao động, đời sống cán bộ công nhân viên ngày một được nâng cao, về trụ sở làm việc, cơ sở vật chất và các trang thiết bị được đầu tư, nâng cấp, cải tạo sửa chữa đảm bảo nhu cầu thiết yếu, tạo môi trường làm việc tốt cho người lao động. Các công trình Công ty thực hiện trong thời gian qua được các khách hàng đánh giá cao về tiến độ và chất lượng thi công. Qua đó, Công ty đã đạt được hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao.

Tồn tại: Bên cạnh những kết quả đã đạt được vẫn còn những tồn tại sau:

An toàn chạy tàu chưa thực sự bền vững, đã để xảy ra 3 vụ tai nạn ít nghiêm trọng (trật bánh trên tuyến đường sắt Hà Nội - Đồng Đăng), đây là một trong những tồn tại cần phải xem xét nghiêm túc để đúc rút kinh nghiệm đồng thời đề ra mục tiêu cụ thể cho năm 2018.

Công tác lập kế hoạch điều tra giao khoán, vẫn còn có trường hợp thiếu chính xác, chưa sát thực tế; Công tác nội nghiệp của các đơn vị hiện trường vẫn còn tồn tại trong công tác ghi chép, cập nhật chưa kịp thời.

Ý thức giữ gìn an toàn chạy tầu, tự giác chấp hành quy trình quy phạm của số ít CBCNV chưa cao, tình trạng tuỳ tiện cắt xén quy trình, quy tắc, thao tác hoạt động vẫn xảy ra nên vẫn còn tiềm ẩn đe dọa an toàn chạy tầu.

B. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018:

1. Những yếu tố ảnh hưởng đến kế hoạch SXKD năm 2018.

- Giá trị doanh thu trong cộng ích có giá trị lớn, thường chiếm đến trên 80% tổng doanh thu hàng năm của Công ty. Năm 2018, theo kế hoạch bảo dưỡng thường xuyên, Công ty được giao 125,219 tỷ đồng tăng 7,3% so với năm 2017. Nên để đạt tổng giá trị doanh thu năm 2018 tăng 8,66% trở lên, sản phẩm ngoài công ích sẽ phải tăng trên 15%, tương ứng tăng trên 3,5 tỷ đồng so với năm 2017. Tức là giá trị doanh thu đối với sản phẩm ngoài công ích phải đạt 26,577 tỷ đồng, đây sẽ là thách thức rất lớn của Công ty trong năm 2018.

- Công trình ngoài công ích thường phải đấu thầu nên cần phải hạ giá thành sản phẩm để trúng thầu, dẫn tới lợi nhuận thấp, ngoài ra do mức lương tối thiểu vùng năm 2018 tăng 6,5% so với năm 2017 dẫn tới các yêu tố chi phí trong quản lý điều hành tương ứng sẽ tăng theo như: các chế độ bảo hiểm, phí công đoàn, các chế độ tiền lương,...Vì vậy sẽ ảnh hưởng rất lớn đến chỉ tiêu lợi nhuận dự kiến đạt được trong năm 2018.

2. Phương hướng, mục tiêu:

Trên cơ sở nguồn lực hiện có, kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2017, với phương châm giữ nhịp độ phát triển, tăng trưởng nhưng phải ổn định vững chắc lấy mục tiêu hiệu quả trong sản xuất kinh doanh làm ăn có lãi để bảo tồn và phát triển vốn làm đầu, đảm bảo đời sống cho người lao động; đóng góp đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ đối với Nhà nước. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 phải đảm bảo mục tiêu cụ thể như sau:

- Sửa chữa thường xuyên định kỳ: Hoàn thành 100% khối lượng theo đúng hợp đồng đặt hàng SCTX KCHT ĐS với Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, đảm bảo tiến độ và chất lượng cao nhất.

- Sản phẩm ngoài công ích: Tiếp tục thực hiện hoàn thành các hợp đồng đã ký kết; Tăng cường quan hệ với đối tác bên ngoài để tìm việc làm đảm bảo doanh thu năm 2018 tăng trưởng 15% trở lên so với năm 2017.

- Các chỉ tiêu khác:

+ Tỷ lệ lợi nhuận/ VĐL đạt 17,23%; tỷ lệ cổ tức/VĐL đạt 8,0%;

+ Thu nhập bình quân người lao động: tăng 10% so với năm 2017;

+ Giữ vững công lệnh tốc độ chạy tàu và công lệnh tải trọng;

+ Giảm tỷ lệ xóc lắc trên tuyến Hà Nội - Đồng Đăng so với năm 2017;

+ Không để xảy ra tai nạn đặc biệt nghiêm trọng do chủ quan;

+ Tai nạn GTĐS ít nghiêm trọng do chủ quan gây ra: Không quá 02 vụ;

- Tiếp tục tái cơ cấu, sắp xếp, hoàn thiện mô hình tổ chức đảm bảo tinh gọn, hoạt động linh hoạt, hiệu quả; sử dụng cán bộ, lao động đúng chuyên môn,

đúng năng lực, đúng sức để đảm bảo phát huy hết tiềm năng, khả năng của mỗi cán bộ công nhân viên được giao trọng trách.

3. Kế hoạch sản lượng, doanh thu, chi phí, lợi nhuận:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục, chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2017 (NQĐHCĐ)	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Tỷ lệ % so với TH 2017
1	Sản lượng:	143.193	142.150	154.454	+8,66%
2	Doanh thu:	130.175	129.227	140.413	+8,66%
	Trong đó:				
	- Sản phẩm công ích	104.675	*106.117*	*113.836*	*+7,3%*
	- Sản xuất kinh doanh khác	25.500	*23.110*	*26.577*	*+15,0%*
3	Chi phí:	127.725	126.675	133.569	+8,6%
4	Lợi nhuận:	2.450	2.552	2.844	+11,4%
5	Tỷ suất lợi nhuận/VĐL	14,85%	15,47%	17,23%	+11,4%
6	Tỷ lệ cổ tức/VĐL	7,12%	7,12%	8,0%	+12,4%

4. Kế hoạch đầu tư (sử dụng nguồn vốn Chủ sở hữu):

+ Mua máy chèn đường thủy lực, động cơ Diezel: 530.000.000 đồng;
+ Mua máy mài ray: 175.000.000 đồng;
+ Mua Ô tô 7 chỗ 1.300.000.000 đồng

Tổng cộng: 2.005.000.000 đồng

5. Kế hoạch phân phối lợi nhuận:

5.1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017:

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính	Số tiền (đồng)
	Tổng lợi nhuận trước thuế		**2.551.948.856**
	Tổng lợi nhuận sau thuế	**LNST**	**2.040.693.557**
1	Chia cổ tức bằng tiền (dự kiến chi trả trong quý 2/2018)	VĐL x 7,12%	**1.174.800.000**
	Trong đó:		
	- Cổ tức phần vốn Nhà nước	51% VĐL x 7,12%	599.148.000
	- Cổ tức cổ đông đại chúng	49% VĐL x 7,12%	575.652.000
	Lợi nhuận còn lại	LNST - (1)	**865.893.667**
2	Quỹ đầu tư phát triển	LNST x 15%	306.000.000
3	Quỹ người quản lý doanh nghiệp	LNST x 5%	102.000.000
4	Quỹ khen thưởng phúc lợi	LNST x 22%	457.983.667

5.2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018:

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính	Số tiền (đồng)
	Tổng lợi nhuận trước thuế		**2.843.750.000**
	Tổng lợi nhuận sau thuế	**LNST**	**2.275.000.000**
1	Chia cổ tức (8,0%/Vốn điều lệ)	LNST x 58%	1.320.000.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	LNST x 17,5%	398.000.000
3	Quỹ người quản lý doanh nghiệp	LNST x 4,5%	102.000.000
4	Quỹ khen thưởng phúc lợi	LNST x 20%	455.000.000

6. Kế hoạch lao động, tiền lương.

6.1. Kế hoạch lao động:

Tổng số lao động của Công ty: 820 người;

(Tổng số lao động được duyệt theo phương án CPH là: 879 người).

Trong đó:

Lãnh đạo, viên chức quản lý: 07 người;

Lao động gián tiếp: 60 người;

Lao động bổ trợ, phục vụ SX: 18 người;

Lao động trực tiếp sản phẩm công ích: 711 người;

Lao động trực tiếp ngoài công ích: 24 người.

6.2. Kế hoạch tiền lương:

*** Kế hoạch tiền lương của viên chức quản lý, kiểm soán viên chuyên trách, bộ máy gián tiếp:**

- Tổng quỹ lương: 9.489.000.000 đồng
- *Trong đó: + Lương, thù lao VCQL, Ban KS: 1.765.000.000 đồng*
  + Lương bộ máy gián tiếp: 7.724.000.000 đồng

*** Kế hoạch tiền lương của lao động trực tiếp.**

- Tổng quỹ tiền lương (dự kiến): 59.767.000.000 đồng.

Trong đó: + SCTX: 51.622.000.000 đồng;

+ Dịch vụ khác: 8.145.000.000 đồng;

Bao gồm:

+ Tiền ăn ca trong sản xuất công ích: 4.309.000.000 đồng;

+ Tiền lương dự phòng: 7.171.560.000 đồng;

+ Lương thời gian (phép, lễ, hội họp,..): *6.353.000.000 đồng;*

+ Các khoản phụ cấp: khu vực, làm đêm,... *7.809.000.000 đồng.*

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng;

Kính trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 Công ty Cổ phần đường sắt Hà Lạng xem xét, quyết định.

Xin trân trọng cám ơn!

GIÁM ĐỐC

Trần Phú Hiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 158 /BC-ĐSHL	*Bắc Giang, ngày 10 tháng 4 năm 2018*

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông - Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin được báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên về công tác quản trị và điều hành năm 2017 - Phương hướng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị năm 2018 như sau:

I. Đánh giá của HĐQT về hoạt động SXKD của Công ty năm 2017.

1. Thuận lợi:

- Công ty luôn được sự quan tâm giúp đỡ, tạo điều kiện của Bộ GTVT và lãnh đạo Tổng công ty ĐSVN, ngoài ra còn nhận được sự phối hợp, tạo điều kiện của chính quyền địa phương nơi có đường sắt đi qua; Toàn thể CBCNV trong Công ty phấn khởi tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng bộ, của ban lãnh đạo Công ty, nội bộ ổn định, đoàn kết, thống nhất, quy chế dân chủ được phát huy, đời sống văn hoá tinh thần của CBCNV luôn được quan tâm.

- Bộ máy tổ chức tiếp tục được tinh giảm, sắp xếp lại, đảm bảo tinh gọn, hoạt động linh hoạt, hiệu quả; sử dụng cán bộ, lao động đúng chuyên môn, đúng năng lực, đúng sức để đảm bảo phát huy hết tiềm năng, khả năng của mỗi cán bộ công nhân viên được giao trọng trách.

Nhờ đó Công ty đã chủ động điều hành kế hoạch sản xuất đảm bảo an toàn chạy tàu, đảm bảo được hoạt động sản xuất kinh doanh và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2. Khó khăn:

- Khó khăn chung của nền kinh tế, việc cân đối nguồn vốn Ngân sách để đầu tư phát triển đường sắt còn hạn chế đã ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hiện đơn giá duy tu giao cho Công ty chỉ bằng khoảng 40% giá tính đủ và bằng khoảng 60% so với đơn giá duy tu các tuyến khác.

Khối lượng quản lý kết cấu hạ tầng lớn, yếu tố kỹ thuật đặc thù, phức tạp (nhiều loại khổ đường, cầu cao, độ dốc lớn, đường cong bán kính nhỏ, hầm dài, cầu chung...). Trạng thái cầu đường trong phạm vi quản lý bị xuống cấp, kinh phí đầu tư cho SCTX chưa đáp ứng khắc phục được mức độ xuống cấp của cầu đường.

Một số bộ phận cán bộ, nhân viên chậm đổi mới phong cách làm việc, thực hiện quy chế hoạt động của Công ty cổ phần còn lúng túng nên vẫn còn thụ động chờ việc, mang nặng tư tưởng "bao cấp" nên không muốn đi làm xa nhà, làm việc không có hiệu quả, ảnh hưởng đến quá trình tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty.

Lực lượng nhân sự có trình độ, tay nghề cao còn thiếu, kinh nghiệm thi công các công trình lớn còn hạn chế; Hồ sơ kinh nghiệm, năng lực của Công ty còn yếu, chưa có thương hiệu trong khi phải cạnh tranh với nhiều doanh nghiệp giàu kinh nghiệm có cùng lĩnh vực hoạt động nên công tác tìm kiếm việc làm luôn là một thách thức lớn…

Tuy nhiên, được sự giúp đỡ của Bộ GTVT và Tổng công ty ĐSVN cùng sự quyết tâm của tập thể HĐQT, Ban Giám đốc và toàn thể CBCNV, Công ty cơ bản đã hoàn thành các chỉ tiêu SXKD đã được Đại hội cổ đông lần thứ nhất giao cho.

Doanh thu thực hiện đạt 129,227 tỷ đồng bằng 99% so với kế hoạch và 99% so với năm 2016.

Trong đó:

+ Sản phẩm công ích: 106,198 tỷ đồng bằng 101% so với kế hoạch.

+ Sản xuất kinh doanh khác: 23,029 tỷ đồng bằng 91% so với kế hoạch.

- Lợi nhuận: 2,552 tỷ đồng bằng 104% kế hoạch;
- Tỷ lệ cổ tức 7,12%/ Vốn điều lệ.

* Tiền lương và thu nhập: Thu nhập bình quân năm 2017 là: 6,406 triệu đồng/người/tháng, bằng 104% so với năm 2016.

* Giữ vững được công lệnh tốc độ, tải trọng.

* Cơ sơ vật chất, điều kiện làm việc và các hoạt động văn hóa, thể thao, đời sống tinh thần của CBCNV ngày càng được cải thiện.

Kết quả đạt được về cơ bản đã hoàn thành theo kế hoạch, tuy nhiên doanh thu từ sản xuất kinh doanh khác đạt 91% so với kế hoạch đã đề ra. Do đó, HĐQT, Ban Giám đốc và toàn thể CBCNV và người lao động Công ty cần tiếp tục nỗ lực, phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 và những năm tiếp theo.

II. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc:

Công ty quản lý một khối lượng kết cấu hạ tầng không những lớn nhất mà còn phức tạp nhất Tổng công ty ĐSVN bao gồm những yếu tố kỹ thuật đặc thù, khó khăn của ĐSVN như nhiều loại khổ đường, cầu cao, độ dốc lớn, đường cong bán kính nhỏ, hầm, cầu chung….

Do kinh phí SCTX được phân bổ còn hạn hẹp, Ban Giám đốc Công ty đã chủ động đưa ra các biện pháp hữu hiệu trong chỉ đạo sản xuất; Phát huy tối đa hiệu quả nguồn lực hiện có, tích cực nghiên cứu, sáng tạo ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, chấn chỉnh hệ tuần gác trong việc thực hiện quy trình quy phạm khi lên ban, chú trọng kiểm tra ban 3, ngày nghỉ, lễ, tết hoặc trong những ngày mưa bão... Đối với công tác phòng chống lụt bão, Công ty đã chủ động điều tra, lập phương án xử lý các điểm có nguy cơ gây mất an toàn trong mùa mưa bão, chuẩn bị đầy đủ nguồn lực để ứng phó kịp thời với thiên tai. Cùng với sự lãnh đạo sâu sát của cấp trên kết hợp với sự chuẩn bị

kỹ lưỡng trong công tác phòng chống lụt bão, năm 2017 trong phạm vi các tuyến đường sắt do Công ty được giao quản lý không có thiệt hại nào do bão lũ, thiên tai gây ra. Công tác đảm bảo an toàn khu vực đèo dốc Bắc Thủy - Bản Thí được duy trì có hiệu quả. Tuy nhiên trong 10 tháng đầu năm 2017 đã để xảy ra 03 vụ tai nạn ít nghiêm trọng (trật bánh trên tuyến đường sắt Hà Nội - Đồng Đăng).

Trong năm 2017, Hội đồng Quản trị đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ theo đúng pháp luật và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị chú trọng công tác quản trị rủi ro, chỉ đạo chuẩn hóa các quy trình, quy chế quản trị, tăng cường giám sát việc thực thi các quy chế này trong mọi mặt hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc cũng đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh một cách đầy đủ, minh bạch và đúng quy định của pháp luật. Với tinh thần trách nhiệm cao, Ban Giám đốc đã chủ động các phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế trên cơ sở thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, nhiệm vụ được Tổng công ty ĐSVN đặt hàng, các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Các công việc được triển khai thực hiện nghiêm túc và khoa học, qua đó hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch được giao trong năm đã được hoàn thành.

III. Các hoạt động của HĐQT trong năm 2017.

Trong năm 2017, HĐQT đã tổ chức 20 cuộc họp để thông qua các nội dung chính như sau:

- Phê duyệt vay vốn ngân hàng tại Ngân hàng Công thương Bắc Giang để phục vụ SXKD, đầu tư mua sắm vật tư đưa vào sản xuất, trả lương và các chế độ khác của CBCNV...
- Phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2017.
- Thông qua báo cáo trình ĐHĐCĐ thường niên 2017 kết quả thực hiện SXKD năm 2016, kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2017.
- Điều chỉnh quy hoạch cán bộ quản lý giai đoạn 2015 - 2020; Định hướng các hoạt động của Công ty năm 2017.
- Triển khai kế hoạch thực hiện chuyên đề đảm bảo ATGT tại các đường ngang, đường dân sinh và hành lang bảo vệ ATGT đường sắt.
- Phê duyệt kế hoạch tác nghiệp kỹ thuật các quý trong năm 2017.
- Đánh giá kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm 2017, phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2017.
- Phê duyệt kế hoạch SXKD điều chỉnh năm 2017 và Định hướng kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2018
- Phê duyệt phương án điều chỉnh đơn giá tiền lương sản phẩm.
- Kiện toàn nhân sự Người đại diện phần vốn của Tổng công ty ĐSVN tại

Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng.

- Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.
- Phối hợp chặt chẽ với Giám đốc và Ban Điều hành để đưa ra các định hướng cũng như giải quyết kịp thời các yêu cầu kinh doanh cho Công ty

IV. Kế hoạch định hướng của HĐQT năm 2018.

Theo nhận định của Hội đồng quản trị, năm 2018 Công ty sẽ tiếp tục duy trì được sự ổn định và phát triển bởi những điều kiện thuận lợi sau:

- Công ty tiếp tục nhận được sự quan tâm giúp đỡ của Bộ GTVT và Tổng công ty ĐSVN;

- Nội quy, quy chế hoạt động của Công ty theo mô hình Công ty cổ phần đã phát huy hiệu quả tạo ra phương thức tổ chức chỉ đạo, điều hành hoạt động SXKD mới năng động, sáng tạo hơn.

Tuy nhiên, Công ty cũng gặp phải không ít khó khăn thách thức trong năm tới, đó là:

- Năm 2018, theo kế hoạch bảo dưỡng thường xuyên, Công ty được giao sản lượng là 125,219 tỷ đồng (doanh thu là 113,836 tỷ đồng) tăng 7,3% so với năm 2017. Nên để đạt tổng giá trị doanh thu năm 2018 tăng 8,66% trở lên, sản phẩm ngoài công ích sẽ phải tăng trên 15%, tương ứng tăng trên 3,5 tỷ đồng so với năm 2017. Tức là giá trị doanh thu đối với sản phẩm ngoài công ích phải đạt 26,577 tỷ đồng, đây sẽ là thách thức rất lớn của Công ty trong năm 2018.

- Công trình ngoài công ích thường phải đấu thầu nên cần phải hạ giá thành sản phẩm để trúng thầu, dẫn tới lợi nhuận thấp, ngoài ra do mức lương tối thiểu vùng năm 2018 tăng 6,5% so với năm 2017 dẫn tới các yêu tố chi phí trong quản lý điều hành tương ứng sẽ tăng theo như: các chế độ bảo hiểm, phí công đoàn, các chế độ tiền lương,...Vì vậy sẽ ảnh hưởng rất lớn đến chỉ tiêu lợi nhuận dự kiến đạt được trong năm 2018.

Trước tình hình đó, Hội đồng Quản trị định hướng như sau:

- Tiếp tục tập trung công tác giám sát, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, trong đó tập trung cao nhất nguồn lực vào công tác hoàn thành 100% khối lượng sản phẩm quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt theo đúng hợp đồng đặt hàng bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt với Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng cao nhất; đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu; giữ vững công lệnh tốc độ, tải trọng.

- Đẩy mạnh công tác tìm kiếm, khai thác các sản phẩm, dịch vụ ngoài công ích có mức tăng trưởng cao hơn so với năm 2017 nhằm bù đắp khối lượng sản

phẩm chưa đạt chỉ tiêu theo kế hoạch, tạo ra nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

- Chỉ đạo Ban Điều hành tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chính sách đối với người lao động, trọng dụng nguồn nhân lực có chuyên môn cao, tâm huyết, sáng tạo đem lại hiệu quả thiết thực cho Công ty. Đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, chú trọng công tác quy hoạch nhân sự, tăng cường công tác đào tạo nâng cao tay nghề, tính chuyên nghiệp và tinh thần trách nhiệm của CBCNV nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất.

- Tăng cường kiểm tra tuân thủ quy trình, quy phạm trong sản xuất, minh bạch trong hoạt động công bố thông tin, tuân thủ pháp luật.

- Chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện quyết liệt và có hiệu quả các nội dung nêu trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng Quản trị để đáp ứng kịp thời các mục tiêu sản xuất kinh doanh.

- Đề xuất các phương án tái cơ cấu hoặc điều chỉnh mô hình tổ chức sản xuất của Công ty thích ứng tốt nhất với các quy định mới của pháp luật, kịp thời đón bắt các cơ hội kinh doanh mới nhằm tối đa hóa lợi ích cho các cổ đông.

Trên đây là báo cáo hoạt động năm 2017 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2018 của Hội đồng quản trị, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và có ý kiến chỉ đạo.

Xin trân trọng cám ơn!

Nơi nhận:
- Các Quý cổ đông của Công ty;
- Ban GĐ, Ban Kiểm soát;
- Lưu VT, TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 2400[illegible] CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG TỈNH BẮC GIANG

Nguyễn Văn Bá

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số 03/BC-BKS	*Bắc Giang, ngày 10 tháng 4 năm 2018*

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đường sắt Hà Lạng.

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía Bắc ngày 22 tháng 02 năm 2018.

Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 những nội dung sau:

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát theo qui định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát. Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã tổ chức 05 cuộc họp và tham dự đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị, giao ban sản xuất kinh doanh hàng tháng do Giám đốc Công ty chủ trì, đồng thời tiến hành giám sát việc triển khai thực hiện một nội dung chủ yếu như:

1. Việc thực hiện Điều lệ Công ty.

2. Việc triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 về chia cổ tức và trích lập các quĩ năm 2016; tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017; tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư, kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2017; việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 theo qui định.

3. Xem xét việc quản trị, điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc.

4. Xem xét, thẩm định các Báo cáo tài chính năm 2016 và 6 tháng đầu năm 2017.

5. Xem xét các thủ tục, trình tự công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017, đảm bảo tuân thủ đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

6. Xem xét việc triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, quyết định, văn bản của Bộ GTVT, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và Hội đồng quản trị.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán, Ban kiểm soát thống nhất với ý kiến nhận xét và đánh giá về hoạt động tài chính và báo cáo năm

2017 của kiểm toán đối với Công ty. Các chỉ tiêu tài chính trọng yếu tóm tắt như sau:

1. Báo cáo một số chỉ tiêu tài chính

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
I. Tài sản ngắn hạn	**100**	**42.002.702.118**	**50.586.677.510**
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.544.167.174	9.631.144.794
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	35.718.138.453	38.183.593.103
3. Hàng tồn kho	140	1.740.396.491	2.771.939.613
II. Tài sản dài hạn	**200**	**12.644.181.476**	**11.424.138.968**
1. Tài sản cố định	220	10.113.102.410	8.483.732.515
- Tài sản cố định hữu hình	221	*10.113.102.410*	*8.483.732.515*
2. Tài sản dở dang dài hạn	240		159.709.091
3. Tài sản dài hạn khác	260	2.531.079.066	2.780.697.362
TỔNG TÀI SẢN	270	**54.646.883.594**	**62.010.816.478**
III. Nợ phải trả	**300**	**35.706.189.927**	**43.556.292.204**
1. Nợ ngắn hạn	310	35.706.189.927	43.556.292.204
IV. Vốn chủ sở hữu	**400**	**18.940.693.667**	**18.454.524.274**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	16.500.000.000	16.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	400.000.000	
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	2.040.693.667	1.954.524.274
- LNST chưa PP đến cuối kỳ trước	*421a*		
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*	2.040.693.667	1.954.524.274
TỔNG NGUỒN VỐN	440	**54.646.883.594**	**62.010.816.478**

2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế năm 2017	Lũy kế năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và CCDV	01	129.227.410.616	130.150.888.784
2. Doanh thu hoạt động tài chính	21	254.013.914	475.060.938
3. Thu nhập khác	31	290.743.755	272.720.637
4. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	2.551.948.856	2.446.383.249
5. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	511.255.189	491.858.975
6. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	2.040.693.667	1.954.524.274

3. Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh

Thực hiện ủy quyền của Đại hội, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành thực hiện theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội giao cho đều đạt và vượt. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 129 tỷ 227 triệu đồng, trong đó:

- Đối với hoạt động sản xuất công ích: Công ty đã hoàn thành 100% khối lượng theo hợp đồng đặt hàng của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng. Doanh thu sản phẩm công ích đạt 106 tỷ 198 triệu đồng, bằng 101% so với kế hoạch năm và bằng 98,5% so với năm 2016

- Đối với động sản xuất kinh doanh khác: Mặc dù gặp nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm thêm công việc, song dưới sự chỉ đạo quyết liệt của Hội đồng quản trị, sự cố gắng nỗ lực của Ban điều hành, Công ty đã duy trì tốt mối quan hệ đối với các bạn hàng truyền thống, tích cực tìm kiếm và ký kết được nhiều hợp đồng mới, do đó đã cơ bản hoàn thành chỉ tiêu doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh khác được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 giao cho. Năm 2017 doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh khác đạt 23 tỷ 029 triệu đồng, bằng 90,3% so với kế hoạch năm và tăng 3% so với năm 2016.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 2 tỷ 552 triệu đồng, vượt 4% so với nghị quyết đã được Đại hội thông qua; Thu nhập bình quân đạt 6.406.000 đồng/người/tháng, vượt 3% so với kế hoạch năm.

4. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017:

Ban kiểm soát đã nhận được Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc, trên cơ sở kiểm tra số liệu, Ban kiểm soát xác nhận một số vấn đề sau:

- Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty được lập phù hợp với nội dung và biểu mẫu quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được thuyết minh rõ ràng, số liệu chi tiết đầy đủ trên thuyết minh Báo cáo tài chính.

- Số liệu báo cáo tài chính cũng đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty.

- Ban kiểm soát thống nhất với số liệu Báo cáo quyết toán tài chính năm 2017 Công ty lập và đã được Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc kiểm toán tại Báo cáo kiểm toán số 206/2018/BCKT-PB0012 ngày 22/02/2018.

III. BÁO CÁO SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG

1. Ban kiểm soát đã nhận được đầy đủ các thông tin và nghị quyết của Hội đồng quản trị, Báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán của Công ty.

2. Đại diện Ban kiểm soát đã tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị, trên cơ sở đó kịp thời theo sát các hoạt động của Công ty và việc thực hiện nghị quyết của Đại hội cổ đông.

3. Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình theo qui định tại Điều lệ Công ty. Ban Lãnh đạo cũng đã thực hiện nghiêm túc việc cung cấp thông tin và tạo điều kiện cho Ban kiểm soát được tiếp cận với tài liệu để kiểm tra tính sát thực của thông tin.

4. Trong năm, Ban kiểm soát cũng không nhận được kiến nghị nào của cổ đông đối với chỉ đạo và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty.

IV. VIỆC CHẤP HÀNH ĐIỀU LỆ VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC.

1. Đối với Hội đồng quản trị: Qua công tác kiểm tra, giám sát, Ban kiểm soát nhận thấy Hội đồng quản trị đã tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 như:

- Thực hiện chia cổ tức năm 2016 bằng tiền: 60% / Lợi nhuận sau thuế là 1.155.000.000 đồng, trong đó:

+ Cổ tức phần vốn Nhà nước (51% VĐL x 7%): 589.050.000 đồng

+ Cổ tức cổ đông đại chúng: (49% VĐL x 7%): 565.950.000 đồng

- Trích lập quỹ đầu tư phát triển 400.000.000 đồng; Quỹ khen thưởng phúc lợi 399.524.274 đồng

- Thực hiện đầu tư dự án mua máy photocopy 137,5 triệu đồng; Máy phát hàn công suất 10KVA – Nhật 319 triệu đồng; Nâng cấp, cải tảo nhà điều hành (khối 2) 709,5 triệu đồng.

- Chỉ đạo ban điều hành triển khai thực hiện đạt và vượt hầu hết các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2017 được Đại hội đồng cổ đông giao cho.

- Lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam là đơn vị đủ điều kiện năng lực kinh nghiệm theo quy định của Bộ Tài chính để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty và đã được Tổng công ty Đường sắt Việt Nam chấp thuận tại văn bản số 3625/ĐS-TCKT ngày 30/11/2017.

Trong năm, Hội đồng quản trị đã tổ chức 20 phiên họp, số thành viên tham dự đảm bảo theo đúng qui định, các vấn đề thảo luận trong các phiên họp phù hợp với chức năng và quyền hạn của HĐQT. Các định hướng chiến lược kinh doanh của HĐQT đã tạo cho Công ty hoàn thành tốt các nhiệm vụ được Đại hội cổ đông giao cho.

2. Đối với Ban giám đốc: Ban Giám đốc công ty đã tổ chức triển khai và thực hiện điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty theo đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều lệ công ty. Nội dung chỉ đạo điều hành của Ban Giám đốc tuân thủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, tuân thủ các quyết định của Hội đồng quản trị và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Công ty.

V . DỰ KIẾN HOẠT ĐỘNG NĂM 2018 CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Tham dự đầy các cuộc họp do Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty tổ chức.

2. Giám sát việc thực hiện Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và các văn bản của Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

3. Tập trung giám sát các hoạt động kinh doanh, tài chính, đầu tư của Công ty, thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017 *(đã hoàn thành)*; Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2018 và thực hiện các công việc khác theo chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát, tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2018, Ban kiểm soát trân trọng báo cáo trước Đại hội và xác nhận các thông tin do Ban kiểm soát báo cáo là trung thực và hợp lý, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:
- HĐQT, Ban GĐ;
- Các cổ đông;
- Lưu VT, BKS

TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

M.S.D.N: 2400123122 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG TỈNH BẮC GIANG

Nguyễn Văn Hào

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 159 /TTr-ĐSHL	*Bắc Giang, ngày 10 tháng 4 năm 2018*

TỜ TRÌNH

Về việc biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính và phân phối lợi nhuận năm 2017, dự kiến phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 và lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng;

Căn cứ Quyết nghị Đại hội cổ đông Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng số 01-17/NQ-ĐHCĐ2017 ngày 10/3/2017;

Căn cứ số liệu báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1- Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Bản báo cáo tài chính của Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng đã được Công ty TNHH AFC Việt Nam kiểm toán, lập và phát hành ngày 22 tháng 02 năm 2018 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

(Bản Báo cáo tài chính đã được đăng trên trang website của công ty và in đóng trong quyển Báo cáo thường niên gửi Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018).

2- Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính	Số tiền (đồng)
	Tổng lợi nhuận trước thuế		**2.551.948.856**
	Tổng lợi nhuận sau thuế		**2.040.693.667**
1	Chia cổ tức bằng tiền (dự kiến chi trả trong	(VĐL x 7,12%)	**1.174.800.000**
	quý 2/2018)		
	Trong đó:		
	- Cổ tức phần vốn Nhà nước	51% VĐL	599.148.000
	- Cổ tức cổ đông đại chúng	49% VĐL	575.652.000
	Lợi nhuận còn lại	(Tổng LNST-1)	**865.893.667**
2	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (Quỹ ĐTPT)	(LNST x 15%)	306.000.000
3	Quỹ người quản lý doanh nghiệp	(LNST x 5%)	102.000.000
4	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(LNST x 22%)	457.983.667

3- Dự kiến Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính	Số tiền (đồng)
	Tổng lợi nhuận trước thuế		**2.843.750.000**
	Tổng lợi nhuận sau thuế		**2.275.000.000**
1	Chia cổ tức (8%/Vốn điều lệ)	LNST x 58%	1.320.000.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	LNST x 17,5%	398.000.000
3	Quỹ người quản lý doanh nghiệp	LNST x 4,5%	102.000.000
4	Quỹ khen thưởng phúc lợi	LNST x 20%	455.000.000

4- Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018:

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 biểu quyết ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập có đủ điều kiện theo quy định của Bộ Tài chính.

Trân trọng Kính trình.

Nơi nhận:
- Các Quý cổ đông;
- Các thành viên HĐQT;
- Ban GĐ; Ban KS;
- Lưu VT, HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 2400152... C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG TỈNH BẮC GIANG

Nguyễn Văn Bá

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số 160 /TTr-HĐQT	*Bắc Giang, ngày 10 tháng 4 năm 2018*

TỜ TRÌNH

Về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016 – 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/QH13/2014 ngày 26/01/2014 của Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng;

Căn cứ Đơn xin từ nhiệm chức danh Thành viên Ban kiểm soát của Bà Lê Thị Minh Phương;

Căn cứ Công văn số 996/ĐS-KSNB ngày 05/4/2018 của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về việc tham gia ý kiến tại ĐHCĐ thường niên năm 2018 của Công ty CPĐS Hà Lạng;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua bỏ phiếu miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát:

Tại Đại hội đồng cổ đông lần đầu diễn ra ngày 18/12/2015, bà Lê Thị Minh Phương được bầu làm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2020.

Ngày 23/3/2018, Hội đồng quản trị Công ty nhận được Đơn xin từ nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát của bà Lê Thị Minh Phương.

Hội đồng quản trị Công ty thống nhất thông qua việc bà Lê Thị Minh Phương xin từ nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận.

2. Thông qua bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.

Hội đồng quản trị thống nhất giới thiệu để Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016 – 2020 đối với bà:

- Họ và tên: Hoàng Thị Tuyết
- Sinh ngày 16/10/1987
- Chức vụ: Chuyên viên phòng KHKD, Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán, cử nhân quản trị kinh doanh

Phương thức niêm nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát sẽ thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông cho ý kiến thông qua.

Nơi nhận:	**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
- Như trên;	**CHỦ TỊCH**
- Lưu: VT, thư ký HĐQT.	
	Nguyễn Văn Bá

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban giám đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Nguyễn Văn Bá	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 20/10/2017
Ông Hoàng Đăng Khoa	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 20/10/2017
Ông Trần Phú Hiệp	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 20/10/2017
Ông Nguyễn Văn Trọng	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 23/12/2015

Ban giám đốc

Ông Trần Phú Hiệp	Giám Đốc	Bổ nhiệm ngày 20/10/2017
Ông Nguyễn Văn Bá	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 20/10/2017
Ông Nguyễn Văn Trọng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04/01/2016
Ông Nguyễn Bá Song	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04/01/2016
Ông Phan Tiến Dũng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04/01/2016

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Phía Bắc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG

Trần Phú Hiệp
Giám đốc
Bắc Giang, ngày 22 tháng 02 năm 2018

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
27 -02- 2018
SỐ CT/ 1234 Q.SỐ: 01 SCT-BS

PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Hải Yến

Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

PKF
Accountants & business advisers

Số: 206/2018/BCKT-PB.00429

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

BẢN SAO

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc**
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng được lập ngày 22 tháng 02 năm 2018, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

PKF – AFC Vietnam Auditing Co., Ltd. is a member firm of the PKF International Limited family of legally independent firms and does not accept any responsibility or liability for the actions or inactions of any individual member firm or firms.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 23/02/2017.

Phạm Tuấn Vũ
Phó Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2030-2018-009-1

Lê Viết Cường
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2478-2018-009-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC
Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG
Số 06 Nguyễn Khắc Nhu, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2017	01/01/2017
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**42.002.702.118**	**50.586.677.510**
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5.1**	**4.544.167.174**	**9.631.144.794**
1. Tiền	111		4.544.167.174	9.631.144.794
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**35.718.138.453**	**38.183.593.103**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	33.392.899.149	32.940.182.478
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	90.000.000	403.109.834
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	4.429.546.419	7.129.689.772
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.194.307.115)	(2.289.388.981)
IV/ Hàng tồn kho	**140**	**5.5**	**1.740.396.491**	**2.771.939.613**
1. Hàng tồn kho	141		1.740.396.491	2.771.939.613
V/ Tài sản ngắn hạn khác	**150**		-	-
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**12.644.181.476**	**11.424.138.968**
I/ Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II/ Tài sản cố định	**220**		**10.113.102.410**	**8.483.732.515**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	10.113.102.410	8.483.732.515
- Nguyên giá	222		24.946.112.489	21.559.375.581
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		(14.833.010.079)	(13.075.643.066)
III/ Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	**240**		-	**159.709.091**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	159.709.091
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		-	-
VI/ Tài sản dài hạn khác	**260**		**2.531.079.066**	**2.780.697.362**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	2.531.079.066	2.780.697.362
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**54.646.883.594**	**62.010.816.478**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG
Số 06 Nguyễn Khắc Nhu, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2017	01/01/2017
C/ NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**35.706.189.927**	**43.556.292.204**
I/ Nợ ngắn hạn	**310**		**35.706.189.927**	**43.556.292.204**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	15.527.947.127	21.321.852.998
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.092.293.315	497.500.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	2.369.876.062	3.021.827.041
4. Phải trả người lao động	314		14.107.529.797	14.204.705.699
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.9	2.401.185.538	4.417.830.712
6. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		207.358.088	92.575.754
II/ Nợ dài hạn	**330**		-	-
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**18.940.693.667**	**18.454.524.274**
I/ Vốn chủ sở hữu	**410**	**5.11**	**18.940.693.667**	**18.454.524.274**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		16.500.000.000	16.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		16.500.000.000	16.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		400.000.000	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.040.693.667	1.954.524.274
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.040.693.667	1.954.524.274
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**54.646.883.594**	**62.010.816.478**

Trần Phú Hiệp	**Hà Huy Tâm**	**Đào Thị Minh Hường**
Giám Đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Bắc Giang, ngày 22 tháng 02 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG
Số 06 Nguyễn Khắc Nhu, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

	Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**6.1**	**129.227.410.616**	**130.150.888.784**
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**10**		**129.227.410.616**	**130.150.888.784**
4.	Giá vốn hàng bán	11	6.2	112.592.081.026	112.659.421.636
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**20**		**16.635.329.590**	**17.491.467.148**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	254.013.914	475.060.938
7.	Chi phí tài chính	22	6.4	10.652.300	-
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*2.482.300*	-
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	14.410.772.156	15.546.893.754
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	30		**2.467.919.048**	**2.419.634.332**
11.	Thu nhập khác	31	6.6	290.743.755	272.720.637
12.	Chi phí khác	32	6.7	206.713.947	245.971.720
13.	**Lợi nhuận khác**	**40**		**84.029.808**	**26.748.917**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**		**2.551.948.856**	**2.446.383.249**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	511.255.189	491.858.975
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**60**		**2.040.693.667**	**1.954.524.274**
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	1.237	1.185
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	1.237	1.185

Trần Phú Hiệp	**Hà Huy Tâm**	**Đào Thị Minh Hường**
Giám Đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Bắc Giang, ngày 22 tháng 02 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG
Số 06 Nguyễn Khắc Nhu, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I/	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**			
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	148.883.019.946	154.804.707.680
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(65.920.681.135)	(66.646.663.572)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	(59.125.872.328)	(59.068.602.441)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04	(2.482.300)	-
5.	Thuế TNDN đã nộp	05	(586.649.631)	(566.165.471)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	(267.755.664)	23.335.772.974
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(24.613.177.459)	(54.233.569.278)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**(1.633.598.571)**	**(2.374.520.108)**
II/	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.577.482.363)	(285.300.062)
2.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	254.013.914	475.060.938
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(2.323.468.449)**	**189.760.876**
III/	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**			
1.	Tiền thu từ đi vay	33	2.766.086.909	-
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.766.086.909)	-
3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.129.910.600)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(1.129.910.600)**	**-**
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**(5.086.977.620)**	**(2.184.759.232)**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**9.631.144.794**	**11.815.904.026**
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**4.544.167.174**	**9.631.144.794**

Trần Phú Hiệp	**Hà Huy Tâm**	**Đào Thị Minh Hường**
Giám Đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Bắc Giang, ngày 22 tháng 02 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 2400152522 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 14/12/2010, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 25/10/2017.

Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Hà Lạng, thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 3902/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2015 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải, ngày 30/12/2015 Công ty chính thức hoạt động theo mô hình doanh nghiệp cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 2400152522.

Trụ sở chính của Công ty tại số 06 đường Nguyễn Khắc Nhu, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Xây dựng công trình Bắc Giang	Số 06 Nguyễn Khắc Nhu, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Theo hoạt động đăng ký kinh doanh của Công ty

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

- Hỗ trợ vận tải đường sắt;
- Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt.

1.3 Ngành nghề kinh doanh chính

- Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Dịch vụ thi công xây dựng công trình về giao thông đường sắt, đường bộ, dân dụng, công nghiệp;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt;
- Dịch vụ bốc xếp hàng hóa ga đường sắt, đường bộ, đường thủy.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: Bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và chi phí có liên quan trực tiếp khác;
- Đối với các nhóm hàng tồn kho khác: Giá gốc bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hoạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2014, được phê duyệt theo Quyết định số 3902/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2015 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 10 năm, bắt đầu từ thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

4.7 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.8 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.11 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

4.13 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

4.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 *VND*	01/01/2017 *VND*
Tiền mặt	90.928.902	68.003.948
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.453.238.272	9.563.140.846
Cộng	**4.544.167.174**	**9.631.144.794**

5.2 Phải thu khách hàng

5.2.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	*VND*	*VND*	*VND*
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	16.052.370.947	-	14.378.423.019	-
Chi nhánh Tổng Công ty Đông Bắc - Công ty Cảng	-	-	3.314.466.000	-
Phải thu các khách hàng khác	17.340.528.202	(2.194.307.115)	15.247.293.459	(2.289.388.981)
Cộng	**33.392.899.149**	**(2.194.307.115)**	**32.940.182.478**	**(2.289.388.981)**

5.2.2 Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	*VND*	*VND*	*VND*
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	16.052.370.947	-	14.378.423.019	-
Ban QL dự án ĐS KVI - Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	2.719.255.728	-	149.863.000	-
Công ty CP Vận tải đường sắt Hà Nội	137.047.000	-	2.829.750.000	-
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái	1.468.173.635	-	300.000.000	
Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	-	-	368.844.000	-
Cộng	**20.376.847.310**	**-**	**18.026.880.019**	**-**

5.2.3 Nợ xấu

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	*VND*	*VND*	*VND*
UBND Thành phố Bắc Giang	149.727.115	-	349.727.115	104.918.135
Công ty TNHH Hướng Tâm	119.167.000	-	119.167.000	-
Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng 121 - Cienco1	1.925.413.000	-	1.925.413.000	-
Cộng	**2.194.307.115**	**-**	**2.394.307.115**	**104.918.135**

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị *VND*	Dự phòng *VND*	Giá trị *VND*	Dự phòng *VND*
Công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng hạ tầng Bắc Giang	-	-	402.276.500	-
Công ty TNHH XD và TM Hiệp Minh	90.000.000	-	-	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	-	-	833.334	-
Cộng	**90.000.000**	**-**	**403.109.834**	**-**

5.4 Phải thu khác

5.4.1 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị *VND*	Dự phòng *VND*	Giá trị *VND*	Dự phòng *VND*
Phải thu khác	**4.429.546.419**	**-**	**7.129.689.772**	**-**
Ký quỹ, ký cược	1.445.795.444	-	3.679.179.328	-
Tiền tạm ứng cho CBNV	972.000.000	-	1.767.445.495	-
		-		-
Phải thu chi phí bảo quản trông coi VTTH	566.054.855	-		-
Phải thu bảo hiểm của người lao động	327.452.144	-	425.560.484	-
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	901.859.400	-	901.859.400	-
Các khoản phải thu khác	216.384.576	-	355.645.065	-
Cộng	**4.429.546.419**	**-**	**7.129.689.772**	**-**

5.4.2 Phải thu khác của các bên liên quan

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị *VND*	Dự phòng *VND*	Giá trị *VND*	Dự phòng *VND*
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	901.859.400	-	901.859.400	-
Cộng	**901.859.400**	**-**	**901.859.400**	**-**

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc *VND*	Dự phòng *VND*	Giá gốc *VND*	Dự phòng *VND*
Nguyên liệu, vật liệu	1.109.934.119	-	1.650.959.300	-
Công cụ, dụng cụ	87.496.518	-	99.053.106	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	542.965.854	-	1.021.927.207	-
Cộng	**1.740.396.491**	**-**	**2.771.939.613**	**-**

5.6 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc *VND*	Máy móc, thiết bị *VND*	Phương tiện vận tải, truyền dẫn *VND*	Thiết bị, dụng cụ quản lý *VND*	TSCĐ khác *VND*	Tổng cộng *VND*
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2017	**12.885.796.189**	**3.828.583.889**	**4.179.621.274**	**550.239.229**	**115.135.000**	**21.559.375.581**
Mua trong kỳ	-	290.000.000		125.000.000	-	415.000.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.978.373.272			-	-	1.978.373.272
Tăng khác	-	993.363.636		-	-	993.363.636
Số dư tại 31/12/2017	**14.864.169.461**	**5.111.947.525**	**4.179.621.274**	**675.239.229**	**115.135.000**	**24.946.112.489**
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư tại 01/01/2017	**7.436.424.389**	**2.487.649.354**	**2.810.003.045**	**287.547.152**	**54.019.126**	**13.075.643.066**
Khấu hao trong năm	767.002.740	493.325.299	373.303.388	105.580.586	18.155.000	1.757.367.013
Thanh lý, nhượng bán				-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	**8.203.427.129**	**2.980.974.653**	**3.183.306.433**	**393.127.738**	**72.174.126**	**14.833.010.079**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/01/2017	**5.449.371.800**	**1.340.934.535**	**1.369.618.229**	**262.692.077**	**61.115.874**	**8.483.732.515**
Số dư tại 31/12/2017	**6.660.742.332**	**2.130.972.872**	**996.314.841**	**282.111.491**	**42.960.874**	**10.113.102.410**

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 70.500.000

5.7 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2017 *VND*	01/01/2017 *VND*
Lợi thế kinh doanh	1.856.961.529	2.089.081.719
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	674.117.537	691.615.643
Cộng	**2.531.079.066**	**2.780.697.362**

5.8 Phải trả người bán

5.8.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị *VND*	Số có khả năng trả nợ *VND*	Giá trị *VND*	Số có khả năng trả nợ *VND*
Công ty CP Đầu tư Công trình Hà Nội	2.141.929.385	2.141.929.385	3.126.338.785	3.126.338.785
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	4.085.048.061	4.085.048.061	4.578.335.273	4.578.335.273
Công ty CP Thương mại và tư vấn Tân Cơ	3.325.476.000	3.325.476.000	-	-
Các đối tượng khác	5.975.493.681	5.975.493.681	13.617.178.940	13.617.178.940
Cộng	**15.527.947.127**	**15.527.947.127**	**21.321.852.998**	**21.321.852.998**

5.8.2 Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị *VND*	Số có khả năng trả nợ *VND*	Giá trị *VND*	Số có khả năng trả nợ *VND*
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	4.085.048.061	4.085.048.061	4.578.335.273	4.578.335.273
Công ty CP đá Đồng Mỏ	559.862.063	559.862.063	479.195.773	479.195.773
Công ty Cổ phần Xe lửa Gia Lâm	-	-	69.581.853	69.581.853
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội - CN Toa xe hàng	-	-	39.850.000	39.850.000
Trung tâm y tế đường sắt	116.200.000	116.200.000	-	-
Công ty cổ phần đường sắt Hà Hải	7.502.000	7.502.000	13.899.000	13.899.000
Cộng	**4.768.612.124**	**4.768.612.124**	**5.180.861.899**	**5.180.861.899**

5.9 Phải trả khác

5.9.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	*VND*	*VND*	*VND*
Phải trả giá trị vật tư thu hồi	1.202.966.691	1.202.966.691	1.100.396.889	1.100.396.889
Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	1.010.145.338	1.010.145.338	2.195.995.695	2.195.995.695
Phải trả tiền cổ tức	25.089.400	25.089.400	-	-
Phải trả các đối tượng khác	162.984.109	162.984.109	1.121.438.128	1.121.438.128
Cộng	**2.401.185.538**	**2.401.185.538**	**4.417.830.712**	**4.417.830.712**

5.9.2 Phải trả khác cho các bên liên quan

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	*VND*	*VND*	*VND*
Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	1.010.145.338	1.010.145.338	2.195.995.695	2.195.995.695
Cộng	**1.010.145.338**	**1.010.145.338**	**2.195.995.695**	**2.195.995.695**

5.10 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm
	VND	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*
Thuế giá trị gia tăng	-	2.348.170.840	8.739.942.989	8.165.024.736	-	2.923.089.093
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	14.194.222	586.649.631	511.255.189	-	89.588.664
Thuế thu nhập cá nhân	-	7.511.000	114.950.918	113.312.634	-	9.149.284
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	428.854.861	428.854.861	-	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	81.561.971	81.561.971	-	-
Cộng	**-**	**2.369.876.062**	**9.955.960.370**	**9.304.009.391**	**-**	**3.021.827.041**

5.11 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	*VND*	*VND*	*VND*
Số dư tại 01/01/2016	**16.500.000.000**	**-**		**16.500.000.000**
Lãi trong năm trước	-	-	1.954.524.274	1.954.524.274
Số dư tại 31/12/2016	**16.500.000.000**	**-**	**1.954.524.274**	**18.454.524.274**
Số dư tại 01/01/2017	**16.500.000.000**	**-**	**1.954.524.274**	**18.454.524.274**
Lãi trong năm nay	-	-	2.040.693.667	2.040.693.667
Phân phối lợi nhuận (i)	-	400.000.000	(1.954.524.274)	(1.554.524.274)
Số dư tại 31/12/2017	**16.500.000.000**	**400.000.000**	**2.040.693.667**	**18.940.693.667**

(i) Phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Quyết định số 361/ĐSHL của Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng ngày 12/04/2017. Chi tiết:

	Năm 2016 *VND*
Trích quỹ đầu tư phát triển	400.000.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	399.524.274
Chia cổ tức	1.155.000.000
Tổng	**1.954.524.274**

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2017			01/01/2017		
	Số lượng *CP*	Giá trị *VND*	Tỷ lệ %	Số lượng *CP*	Giá trị *VND*	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	841.500	8.415.000.000	51%	841.500	8.415.000.000	51%
Các đối tượng khác	808.500	8.085.000.000	49%	808.500	8.085.000.000	49%
Cộng	**1.650.000**	**16.500.000.000**	**100%**	**1.650.000**	**16.500.000.000**	**100%**

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu:

	Năm 2017 *VND*	Năm 2016 *VND*
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	16.500.000.000	16.500.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	16.500.000.000	16.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	**1.155.000.000**	**-**

Cổ phiếu

	31/12/2017 *Cổ phiếu*	01/01/2017 *Cổ phiếu*
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**1.650.000**	**1.650.000**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**1.650.000**	**1.650.000**
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**1.650.000**	**1.650.000**
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	*10.000*	*10.000*

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Tổng doanh thu

	Năm 2017 *VND*	Năm 2016 *VND*
Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	129.227.410.616	130.150.888.784
Cộng	**129.227.410.616**	**130.150.888.784**

6.1.2 Doanh thu với các bên liên quan

	Năm 2017 *VND*	Năm 2016 *VND*
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	106.224.562.312	109.343.378.385
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội	1.245.874.545	5.331.030.000
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái	1.607.430.578	635.218.260
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Công trình 3	-	75.865.500
Ban QLDA Đường Sắt KV1-TCT ĐSVN	5.597.823.388	-
Chi nhánh Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam-Khai thác Đường sắt Hà Lạng	684.470.219	-
Cộng	**115.360.161.042**	**115.385.492.145**

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 *VND*	Năm 2016 *VND*
Giá vốn của hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp	112.592.081.026	112.659.421.636
Cộng	**112.592.081.026**	**112.659.421.636**

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 *VND*	Năm 2016 *VND*
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	254.013.914	475.060.938
	254.013.914	**475.060.938**

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2017 *VND*	Năm 2016 *VND*
Lãi tiền vay	2.482.300	-
Chi phí tài chính khác	8.170.000	-
Cộng	**10.652.300**	**-**

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 *VND*	Năm 2016 *VND*
Chi phí nhân viên quản lý	8.919.806.817	10.007.877.197
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.490.965.339	5.539.016.557
Cộng	**14.410.772.156**	**15.546.893.754**

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2017 *VND*	Năm 2016 *VND*
Thu nhập từ hoạt động nghiên cứu khoa học	157.142.857	76.190.476
Thu nhập khác	133.600.898	196.530.161
Cộng	**290.743.755**	**272.720.637**

6.7 Chi phí khác

	Năm 2017 *VND*	Năm 2016 *VND*
Chi phí hoạt động nghiên cứu khoa học	157.142.857	76.190.476
Các khoản khác	49.571.090	169.781.244
Cộng	**206.713.947**	**245.971.720**

6.8 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**2.551.948.856**	**2.446.383.249**
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	**4.327.090**	**12.911.628**
Các khoản điều chỉnh tăng	4.327.090	12.911.628
Thuế TNCN trước năm 2016	*4.327.090*	*12.911.628*
Thu nhập tính thuế TNDN	**2.556.275.946**	**2.459.294.877**
Thuế suất thuế TNDN	**20%**	**20%**
Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành	**511.255.189**	**491.858.975**

6.9 Lãi trên cổ phiếu

6.9.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	2.040.693.667	1.954.524.274
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	2.040.693.667	1.954.524.274
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	1.650.000	1.650.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.237**	**1.185**

Điều lệ hoạt động và quy chế tài chính của Công ty không quy định cụ thể về việc phải trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi. Đồng thời, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty chưa đến kỳ tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. Theo đó, Công ty không ước tính quỹ khen thưởng phúc lợi cần trích lập khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

6.9.2 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	2.040.693.667	1.954.524.274
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	2.040.693.667	1.954.524.274
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	1.650.000	1.650.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**1.237**	**1.185**

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 *VND*	Năm 2016 *VND*
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31.418.812.618	26.047.812.247
Chi phí nhân công	73.297.219.060	70.874.880.431
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.663.325.073	1.389.434.031
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.932.498.266	23.459.905.718
Chi phí khác bằng tiền	5.973.729.587	3.089.099.936
Cộng	**130.285.584.604**	**124.861.132.363**

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Các khoản công nợ tiềm tàng

Công ty không có khoản công nợ tiềm tàng nào cần trình bày trên Báo cáo tài chính .

7.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.

7.3 Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị ghi sổ			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc *VND*	Dự phòng *VND*	Giá gốc *VND*	Dự phòng *VND*
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.544.167.174	-	9.631.144.794	-
Phải thu khách hàng	33.392.899.149	(2.194.307.115)	32.940.182.478	(2.289.388.981)
Phải thu về cho vay	-	-	-	-
Phải thu khác	4.429.546.419	-	7.129.689.772	-
Đầu tư tài chính	-	-	-	-
	42.366.612.742	**(2.194.307.115)**	**49.701.017.044**	**(2.289.388.981)**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017 *VND*	01/01/2017 *VND*
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	-	-
Phải trả người bán	15.527.947.127	21.321.852.998
Chi phí phải trả	-	-
Phải trả khác	2.401.185.538	4.417.830.712
	17.929.132.665	**25.739.683.710**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết

minh thông tin với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi lãi suất, giá hàng hóa và giá cổ phiếu.

Rủi ro về lãi suất

Rủi ro về lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất của thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này sẽ được Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn các nhà cung cấp khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tài sản tài chính				
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.544.167.174	-	-	4.544.167.174
Phải thu khách hàng	31.198.592.034	-	-	31.198.592.034
Phải thu về cho vay	-	-	-	-
Phải thu khác	4.429.546.419	-	-	4.429.546.419
Đầu tư tài chính	-	-	-	-
Cộng	**40.172.305.627**	**-**	**-**	**40.172.305.627**
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.631.144.794	-	-	9.631.144.794
Phải thu khách hàng	30.650.793.497	-	-	30.650.793.497
Phải thu về cho vay	-	-	-	-
Phải thu khác	7.129.689.772	-	-	7.129.689.772
Đầu tư tài chính	-	-	-	-
Cộng	**47.411.628.063**	**-**	**-**	**47.411.628.063**

Công ty xây dựng chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Nợ phải trả tài chính				
Tại ngày 31/12/2017				
Vay và nợ	-	-	-	
Phải trả người bán	15.527.947.127	-	-	15.527.947.127
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Phải trả khác	2.401.185.538	-	-	2.401.185.538
Cộng	**17.929.132.665**	**-**	**-**	**17.929.132.665**
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	21.321.852.998	-	-	21.321.852.998
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Phải trả khác	4.417.830.712	-	-	4.417.830.712
Cộng	**25.739.683.710**	**-**	**-**	**25.739.683.710**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7.4 Thông tin về các bên liên quan

7.4.1 Danh sách bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái	Công ty con của TCT Đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải	Công ty con của TCT Đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần Xe lửa Gia Lâm	Công ty con của TCT Đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần đá Đồng Mỏ	Công ty con của TCT Đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần TTTH Đường sắt Bắc Giang	Công ty con của TCT Đường sắt Việt Nam
Ban QLDA Đường Sắt KV1-TCT ĐSVN	Đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng Công ty
Trung tâm Y tế Đường sắt	Đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng Công ty
Công ty Cổ Phần Vận tải ĐS Hà Nội	Công ty con của TCT Đường sắt Việt Nam
Công ty CP Đường sắt Thanh Hoá	Công ty con của TCT Đường sắt Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam-Khai thác Đường sắt Hà Lạng	Đơn vị hạch toán phụ thuộc của TCT Đường sắt Việt Nam
Trường Cao đẳng nghề Đường sắt	Đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng Công ty

7.4.2 Giao dịch với các bên liên quan trong kỳ

Ngoài các giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2017 *VND*
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	
Chi phí thuê máy móc, thuê nhà cung cầu, cung đường	4.307.231.862
Nhận tiền thanh toán công nợ	114.391.751.142
Thanh toán công nợ thuê máy chèn Áo	4.578.335.273
Bù trừ công nợ	692.094.988
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội	
Sử dụng dịch vụ vận chuyển	967.192.000
Nhận tiền thanh toán công nợ	4.063.165.000
Thanh toán công nợ phải trả	1.063.911.200
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái	
Nhận tiền thanh toán công nợ	600.000.000
Ban QLDA Đường Sắt KV1-TCT ĐSVN	
Nhận tiền thanh toán công nợ	3.588.213.000
Chi nhánh Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam-Khai thác Đường sắt Hà Lạng	
Nhận tiền thanh toán công nợ	752.917.241
Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	
Nhận tiền thanh toán công nợ	368.844.000
Trường Cao đẳng nghề Đường sắt	
Sử dụng dịch vụ đào tạo	18.500.000
Thanh toán công nợ	18.500.000

	Năm 2017 *VND*
Công ty Cổ phần đá Đồng Mỏ	
Mua vật liệu	982.423.900
Thanh toán công nợ	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Xe lửa Gia Lâm	
Thanh toán công nợ	69.581.853
Công ty Cổ phần TTTH Đường sắt Bắc Giang	
Sử dụng dịch vụ	26.340.000
Thanh toán công nợ	28.974.000
Trung tâm Y tế Đường sắt	
Sử dụng dịch vụ khám sức khỏe	116.200.000
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải	
Sử dụng dịch vụ	6.820.000
Thanh toán công nợ	13.899.000

Giao dịch với thành viên quản lý chủ chốt:

	Năm 2017 *VND*
Thu nhập của HĐQT và Ban Giám đốc	***1.762.182.449***

7.4.3 Số dư với các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan đã trình bày ở các Thuyết minh trên.

7.5 Báo cáo bộ phận

Hoạt động của Công ty trong kỳ chủ yếu là hoạt động duy tu, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt và được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

7.6 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế.

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
27 -02- 2018
SỐ CT 1230 Q.SỐ 01 SCT-BS

Trần Phú Hiệp	**Hà Huy Tâm**	**Đào Thị Minh Hường**
Giám Đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Bắc Giang, ngày 22 tháng 02 năm 2018

PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Hải Yến

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /NQ-ĐHĐCĐ.2018	*Bắc Giang, ngày 26 tháng 4 năm 2018*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng được thông qua tại Đại hội cổ đông lần thứ nhất ngày 18/12/2015;

Căn cứ nội dung Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng ngày 26 tháng 4 năm 2018 đã được Đại hội thống nhất thông qua;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018,

QUYẾT NGHỊ:

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty đường sắt Hà Lạng năm 2018 thống nhất thông qua các nội dung sau:

1.1. Thông qua chương trình, Quy chế tổ chức và Quy chế bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

1.2. Thông qua nội dung báo cáo của Hội đồng Quản trị số: 158/BC-ĐSHL ngày 10/4/2018;

1.3. Thông qua nội dung báo cáo của Ban Kiểm soát số: 03/BC-BKS ngày 10/4/2018;

1.4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH AFC Việt Nam;

1.5. Thông qua phương án chia cổ tức năm 2017 như sau:

- Tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền: (VĐL x 7,12) là 1.174.800.000 đồng, trong đó:

+ Cổ tức phần vốn Nhà nước	(51% VĐL x 7,12%):	599.148.000 đồng
+ Cổ tức cổ đông đại chúng	(49% VĐL x 7,12%):	575.652.000 đồng

- Thời gian thực hiện dự kiến : Quý II/2018;

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định phương án chi tiết chi trả cổ tức;

1.6. Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2018 của Công ty như sau :

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục, chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2017 (NQĐHCĐ)	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Tỷ lệ % so với TH 2017
1	Sản lượng:	143.193	142.150	154.454	+8,66%
2	Doanh thu:	130.175	129.227	140.413	+8,66%
	Trong đó:				
	- Sản phẩm công ích	104.675	*106.117*	*113.836*	*+7,3%*
	- Sản xuất kinh doanh khác	25.500	*23.110*	*26.577*	*+15%*
3	Chi phí:	127.725	126.675	136.569	+8,6%
4	Lợi nhuận:	2.450	2.552	2.844	+11,4%
5	Tỷ suất lợi nhuận/VĐL	14,85%	15,47%	17,23%	+11,4%
6	Tỷ lệ cổ tức/VĐL	7,12%	7,12%	8,0%	+12,4%

1.7. Thông qua tờ trình số 159/TTr-ĐSHL về phương án trích lập các Quỹ năm 2017, cụ thể như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển: 306.000.000 đồng

- Quỹ Người quản lý doanh nghiệp 102.000.000 đồng

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 457.983.667 đồng

1.8. Thông qua tỷ lệ trả cổ tức dự kiến năm 2018 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính	Số tiền (đồng)
	Tổng lợi nhuận trước thuế		2.843.750.000
	Tổng lợi nhuận sau thuế		2.275.000.000
1	Chia cổ tức (8,0%/Vốn điều lệ)	LNST x 58%	1.320.000.000

2	Quỹ đầu tư phát triển	LNST x 17,5%	398.000.000
3	Quỹ người quản lý doanh nghiệp	LNST x 4,5%	102.000.000
4	Quỹ khen thưởng phúc lợi'	LNST x 20%	455.000.000

1.9. Thông qua Kế hoạch đầu tư:

- Mua máy chèn đường thủy lực, động cơ Diezel: 530.000.000 đồng.
- Mua máy mài ray: 175.000.000 đồng.
- Mua Ôtô 7 chỗ: 1.300.000.000 đồng.

Tổng cộng: 2.005.000.000 đồng.

1.10. Thông qua Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2018 như sau:

*** Kế hoạch tiền lương của viên chức quản lý, kiểm soán viên chuyên trách, bộ máy gián tiếp:**

- Tổng quỹ lương: 9.489.000.000 đồng
- *Trong đó: + Lương, thù lao VCQL, Ban KS: 1.765.000.000 đồng*
  + Lương bộ máy gián tiếp: 7.724.000.000 đồng

*** Kế hoạch tiền lương của lao động trực tiếp.**

- Tổng quỹ tiền lương (dự kiến): 59.767.000.000 đồng.

Trong đó: + SCTX: 51.622.000.000 đồng;
+ Dịch vụ khác: 8.145.000.000 đồng;

Bao gồm:

+ Tiền ăn ca trong sản xuất công ích: 4.309.000.000 đồng;
+ Tiền lương dự phòng: 7.171.560.000 đồng;
+ Lương thời gian (phép, lễ, hội họp,..): 6.353.000.000 đồng;
+ Các khoản phụ cấp: khu vực, làm đêm,... 7.809.000.000 đồng.

1.11. Biểu quyết ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập có đủ điều kiện theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Thông qua tờ trình số 160/TTr-ĐSHL ngày 10/4/2018 của Hội đồng quản trị về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2016 - 2020 cụ thể như sau:

2.1. Bỏ phiếu miễn nhiệm chức danh thành viên Ban Kiểm soát đối với bà Lê Thị Minh Phương.

2.2. Bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2016 - 2020 đối với bà Hoàng Thị Tuyết.

3. Thông qua kết quả bầu cử.

Căn cứ Quy chế bầu cử và kết quả kiểm phiếu, bà Lê Thị Minh phương được miễn nhiệm chức danh thành viên Ban Kiểm soát; bà Hoàng Thị Tuyết được bầu bổ sung vào thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng nhiệm kỳ 2016 - 2020.

4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:
- Các Quý cổ đông của Công ty;
- UBCK Nhà nước, Sở GDCK Hà Nội;
- Ban GĐ, Ban Kiểm soát;
- Lưu VT, TCHC.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Văn Bá

Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng

NỘI DUNG BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG NĂM 2018

1. Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị số 158/BC-ĐSHL.

2. Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát số 03/BC-BKS.

3. Thông qua báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán số tại tờ trình số 159/TTr-ĐSHL.

4. Thông qua phương án chia cổ tức năm 2017.

5. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.

6. Thông qua phương án trích lập các quỹ đầu tư phát triển, khen thưởng phúc lợi năm 2017.

7. Thông qua mức cổ tức dự kiến năm 2018.

8. Thông qua kế hoạch đầu tư năm 2018.

9. Thông qua kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2018.

10. Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện soát xét và kiểm toán BCTC năm 2018.